



BÙI BÍCH HÀ

(1938-2021)

LÊ HỮU: ĐỪNG ĐẾN SEATTLE



*Nhà văn Bùi Bích Hà & nhà thơ Trần Mộng Tú
(Seattle, 7/2012)*

Tin chị Hà mất không làm tôi bất ngờ. Không bất ngờ, vì tôi đã chờ đợi cái tin xấu nhất ấy suốt mấy hôm nay. Chúng tôi cùng góp lời cầu nguyện và mong phép lạ nào đến với chị, tuy biết chị khó mà qua được.

Những ngày chờ đợi là những ngày thật dài và nặng nề. Chúng tôi không ai nói với ai lời nào. Sau cùng thì mọi chuyện cũng kết thúc khi chị Tú báo tin đến mọi người.

Tôi nhớ mình đã ứa nước mắt, nhưng đầu óc tôi thì trống rỗng.

“Chị Hà vừa mất, sáng nay,” tôi nói thật chậm rãi, để N không phải hỏi lại hay nghĩ mình nghe lầm.

Đang lúi húi trong bếp, N khựng lại, gieo mình xuống chiếc ghế cạnh đấy. Hai vợ chồng cùng im lặng, nhìn nhau, rồi cùng nhìn ra vườn cây ngoài khung cửa sổ. Nắng và gió nhẹ, những tán lá lay động.

Nồi nước sôi sùng sục trào ra, tôi bước lại gần tắt bếp.

“Nếu chị ấy lên đây cuối tháng rồi thì chắc không đến nổi...,” N nói như nói một mình.

Câu nói không mang ý nghĩa nào cả, rơi vào khoảng không. Có vẻ N chỉ buột miệng, để lấp khoảng trống hay vì thương chị Hà mà nói vậy.

“Cũng có khi là vậy,” tôi nói sau phút im lặng, “hay ít ra mình cũng được ngồi ăn chung với chị thêm lần nữa.”

Lẽ ra thì chị Hà đã có mặt ở Seattle cuối tháng rồi, cách đây hai tuần. Chị có cái hẹn lên chơi và N lại có dịp trở tài nấu nướng để khoản đãi chị món bún bò từng được chị khen ngon và đề nghị “tái bản” trong cuộc “họp mặt hậu Covid” chuyển này. Ngon dở thế nào không biết, nhưng chị có cách khen khiến người được khen vui thích và cảm thấy chị khen rất thực lòng.

Gần như mỗi năm chị Hà đều lên chơi Seattle. Chị nói có hai nơi chị vẫn muốn tìm đến như tìm những giờ phút thư giãn hiếm hoi trong cuộc sống luôn bận rộn

của chị, Dallas và Seattle. Dallas để thăm người anh cả và Seattle để có những buổi họp mặt đầy tình thân, ngồi giữa những tình bạn ấm áp và dễ chịu.

Thế nhưng, trời lại không chiều lòng người. Gần đến ngày đi thì sức khỏe chị Hà bỗng sa sút và có những biến chứng đáng ngại, lại thêm chỉ số huyết áp tăng cao và trời sụt bất thường. Không còn thấy chị háo hức nhắc đến ngày hẹn gần kề, nhưng chị cũng không nói liệu chị có đi được. Tôi biết tính chị Hà, không dễ gì ngăn cản chị “đến hẹn lại lên”. Chị khẳng khẳng giữ lời hứa dù là hứa với một đứa bé. Chị quý bạn bè và được bạn bè quý mến cũng vì cái chí tình ấy.

“Thôi chị Hà ơi,” tôi gọi cho chị và nói, “chị ở nhà đi, đừng có đi đâu nữa. Chị hãy lo mà bảo trọng, mùa dịch vẫn chưa qua hẳn đâu.” Tôi nói thêm khi chị vẫn ngần ngừ, “Đừng lên Seattle nữa. Xin chị không phải băn khoăn, không khi này thì khi khác, ngày còn rộng tháng còn dài mà, lo gì.”

Tôi đoán chị thở ra được một hơi nhẹ nhõm vì có người nói thay cho mình.

“Làm gì mà còn ngày rộng tháng dài,” chị cười. “Quý thời gian đã gần cạn, sức khỏe lại bết bát thế này thì hứa hẹn gì với ai được nữa.”

Rồi chị nói sơ về chứng bệnh của mình. Để trấn an chị, tôi nói chị không phải lo lắng gì nhiều vì chứng này khá phổ biến. Nhiều người cứ bước chân đến bệnh viện, phòng mạch là số đo huyết áp lại tăng cao, về nhà thì chẳng có chuyện gì. Các bác sĩ gọi đấy là hội chứng

“white coat hypertension”.

Tôi tìm đọc chị trong những ngày chị nằm im lìm trên giường bệnh. Chị viết về mọi đề tài, mọi góc cạnh, ngóc ngách của đời sống. Chị viết về cái tốt lẫn cái xấu, trong lúc vẫn tìm kiếm và tìm cho bằng được cái tốt trong mỗi con người. Chị khiến người đọc cảm thấy cuộc sống dù có thế nào đi nữa vẫn cứ đáng yêu, đáng sống.

Tôi đọc, vẫn cảm thấy như chưa bao giờ “đọc” hết, hiểu hết được về chị. Chị sâu sắc, chị tinh tế. Ánh mắt chị trông hiền hòa mà cái nhìn thì xoáy sâu như đọc hết được những ý nghĩ trong đầu người khác.

Văn chị êm ả, nhẹ nhàng. Nụ cười chị cũng nhẹ nhàng, và giọng nói chị dịu dàng, mềm mại, lúc nào cũng gượng nhẹ tựa như giọng cô y tá nói với người bệnh. Tôi vẫn gọi đùa giọng chị là giọng “gây mê” hay giọng “thì thầm bên gối”.

Chị được nhiều người yêu, nhiều người ghét, như thế cuộc sống vốn là vậy. Chị nghĩ cho người khác nhiều hơn cho mình và dễ dàng chia sẻ những cảnh ngộ trái ngang, những phận người đen bạc, như thế cuộc đời chị buồn nhiều hơn vui.

Nhớ có lần tôi xúi chị Hà, “Chị viết tự truyện đi. Nhiều người muốn đọc chị lắm.”

“Không ai thích đọc những câu chuyện buồn,” chị nói. “Nếu không mang đến được niềm vui cho người khác thì cũng chẳng nên gieo rắc nỗi buồn.”

Chị Hà là vậy, là nén chặt nỗi đau, là giấu kín nỗi buồn.

Trong một email gửi tôi gần đây nhất, chị nói muốn tìm đọc hai truyện cổ tích, *Hồ Thùỵ Dương* của Doãn Quốc Sỹ và *Con Chồn Tinh Quái* của Linh Bảo, hai tên truyện mà tôi nhắc đến trong cuộc chuyện trò giữa anh em chúng tôi về hai nhà văn tên tuổi này. Tôi gửi chị cái link để vào đọc trong một trang web và nói, “Những truyện ấy không chỉ là chuyện cổ tích; hoặc, là những chuyện cổ tích cho cả trẻ em và người lớn.” Có ai ngờ đến tuổi này chị lại muốn tìm về những “ngày xưa, ngày xưa” êm đềm trong khu vườn cổ tích.

Đọc chị, tôi đặc biệt yêu thích những bài chị viết về Huế, là địa danh mà một phần đời của chị còn gửi lại nơi chốn ấy, về người mẹ một đời nhọc nhằn, tần tảo vì con, và về cái chết. Chị viết về Huế, về Mẹ bao giờ cũng với tình yêu xót xa, buồn bã, đọc muốn chảy nước mắt. Chị viết về cái chết, thường là của những người thân yêu, bao giờ cũng mang một triết lý bàng bạc.

Có một câu hát trong bài nhạc nào đó chị rất thích và thường trích dẫn, “Chết thật tình cờ, chết chẳng hẹn hò, nằm chết như mơ”. Có lẽ chị cũng mong được vậy, và chị đã được vậy... Buổi sáng, chị gửi ra một email vui vui cho nhóm bạn hữu với những câu nói đùa ý nhị. Buổi trưa, chị đã nằm im lìm trong nhà thương, và từ đó chị chìm sâu vào giấc ngủ thật dài. Không phải “thật tình cờ”, không phải “chẳng hẹn hò”, không phải “nằm chết như mơ” sao?

Có một câu nói của chị tôi rất thích và muốn đưa vào đây, “Khi trái tim chúng ta đầy chập thương yêu, không

một thứ gì khác có thể len vào được nữa.”⁽¹⁾

Câu ấy có thể gọi là “danh ngôn” của chị. Chị đã sống như thế, hay ít ra chị cũng đã muốn sống như thế, sống bằng trái tim đầy chạt thương yêu.

Sau cùng, tuy chỉ được quen biết chị khoảng mười năm trở lại đây, tôi vẫn không thể không cảm ơn chị đã cho tôi mỗi giao tình tốt đẹp; hơn thế nữa, mỗi đồng cảm sâu sắc của những lần chia sẻ và cả những lời chị nói ra hay viết xuống như nói giúp tôi điều gì đó tôi vẫn canh cánh bên lòng.

“Tôi biết rằng nhiều người trong chúng ta, kể cả tôi, cứ mỗi lần dự tang lễ tiễn đưa người thân yêu hay bạn bè, trong lòng luôn có chút hối tiếc về một điều gì đó thiếu sót chưa kịp bày tỏ, chưa kịp làm hay đã chệnh mảng không làm đối với người vừa nằm xuống, nay thì không còn cách nào sửa chữa hay cứu vãn được nữa.”⁽²⁾

Quả đúng như chị nói, trong đời tôi vẫn có lắm thiếu sót, có nhiều lầm lỗi. Trong số ấy có những lỗi lầm có thể sửa chữa được hay rút kinh nghiệm để làm cho tốt hơn về sau, thế nhưng thật không may là có những lỗi lầm chỉ đến có một lần, không còn có cơ hội nào để mà sửa chữa nữa đã khiến tôi phải ray rứt và hối tiếc mãi cho đến cuối đời.

Thật may là tôi không có điều gì hối tiếc hay băn khoăn chưa kịp nói với chị. Cũng như chị, giờ đây chị không

¹ *Tại sao?*, tùy bút Bùi Bích Hà

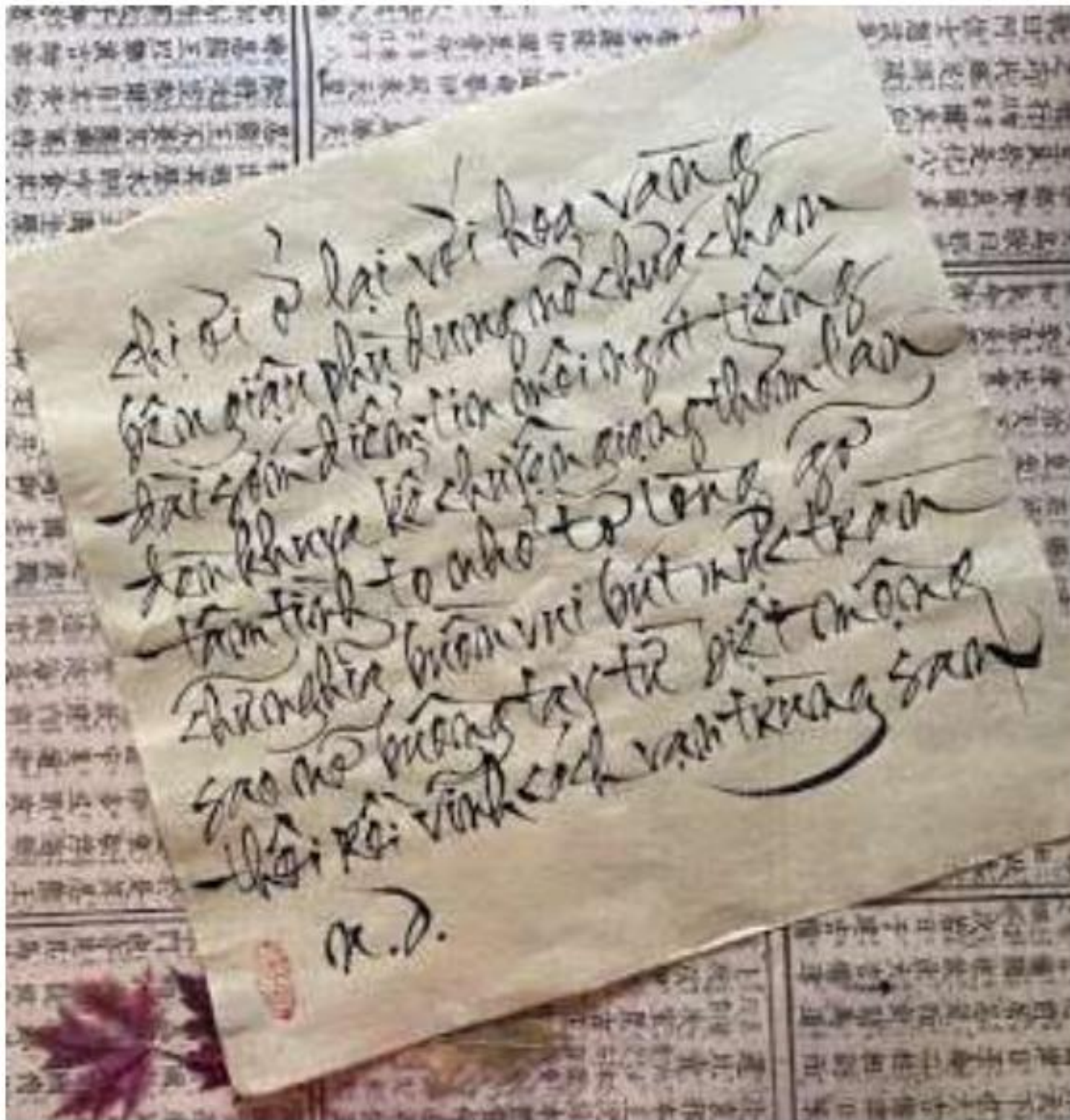
² *Đi qua đời nhau*, tùy bút Bùi Bích Hà

còn phải bán khoản về chỉ số huyết áp lên xuống bất thường hay về chuyến đi Seattle như một cuộc hẹn, một lời hứa mà chị đã không thực hiện được.

Chị Bùi Bích Hà, tôi biết chắc rằng chị không còn phải bán khoản về bất cứ điều gì nữa. Tôi cũng biết chắc rằng chị ra đi thật thanh thản, nhẹ nhàng vì hơn bao giờ hết, đúng như chị nói, “Không một thứ gì khác có thể len vào được nữa.”

LÊ HỮU

NGỌC DUNG: THƯƠNG NHỚ GỬI CHỊ



Chị ơi ở lại với hoa vàng
Bên giậu phù dung nở chứa chan
Đài sớm điểm tin môi ngát tiếng
Đèn khuya kể chuyện giọng thơm lan
Tâm tình to nhỏ tơ lòng gỡ
Chữ nghĩa buồn vui bút mực tràn
Sao vội buông tay từ biệt mộng
Thôi rồi vĩnh cách vạm trùng san.

n.d.

KIM HẰNG: CHỊ NHỚ GỌI EM KHI CẮT CÁNH NHÉ



Kim Hằng và Bùi Bích Hà

Tôi xin mượn lời chị Bùi Bích Hà nhắc về Bé Ký "Chắc giờ này chị đã an nghỉ ở cõi ngàn năm. Mới đâu đây mà đã một đời người như lá vàng rơi, như cơn gió thoảng."

Buổi trưa thứ Năm ngày 8 tháng 7, mọi người còn nhận điện thư chị Hà trả lời trong nhóm bạn nhắc nhở anh tôi hay đùa "Coi chừng cả lời nói đùa đấy ông em ơi kéo lại bị hô hoán ầm lên là kỳ thị/phân biệt đối xử giai cấp

và tuổi tác thì nước sông Hằng cũng không rửa được oan tình đâu!" buổi tối được điện thư chị Tú báo tin "Chị Hà chiều nay ngất đi ở nhà (một mình) Gần 3 tiếng sau mới có người về kịp đưa đi Emergency. Hiện tại ở Bệnh Viện St. Joshep, chưa hồi tỉnh. Đang trong phòng cấp cứu. Con gái chị Hà sẽ báo cho biết kết quả sau. Nhận được tin gì thêm, Tú sẽ thông báo cả nhà. Xin mọi người cầu nguyện cho chị".

Nghe tin chị Tú báo mà tôi bàng hoàng, thoáng nghĩ "mới sáng nay mà tối nay đã... thay đổi nhanh quá."

Ký ức lần đầu tiên được gặp chị Hà và chị Tú ở nhà Bác Võ Phiến cùng với anh Minh vào tháng 9 năm 2012 của "sáng thứ Hai hôm ấy" lại quay về. Được nghe về chị Hà và chị Tú trước đó, nhưng đây là lần đầu tiên được gặp mặt hai chị và nhà văn Võ Phiến nên tôi rất vui và hân hạnh. Ngồi nghe "người lớn" nói chuyện chữ nghĩa văn chương và ăn món Huế thì không gì thích bằng, rất đã cho cái bụng và hả hê cho cái dạ nên tôi nhớ mãi buổi hội ngộ này.

Gia đình anh chị em tôi ai cũng quý hai chị, Bác tôi khen thơ chị Tú bao nhiêu thì Mẹ tôi hết lời tán phục giọng nói trên radio của chị Hà bấy nhiêu; Mẹ khen giọng Bắc kỳ của chị không có "kỳ phùng địch thủ": giọng chị trong, gọn, rõ, nhanh nhẹn và linh động nên nghe rất trẻ trung, chẳng bao giờ chị bị vấp, lúc nào cũng lưu loát vững vàng trong hơi thở nhịp nhàng. Và bao năm qua mỗi tối thứ Bảy Mẹ ngóng nghe đài radio của chị đã thành một cái lệ không thể thiếu, một quen thuộc gần gũi thân tình giúp Mẹ bầu bạn trước khi Mẹ chìm vào

giấc ngủ.



Từ trái : Bùi Bích Hà, bà Võ Phiến, nhà văn Võ Phiến, Trần Mộng Tú, Phạm Phú Minh, Kim Hằng.

Tôi ở Texas nên ít được gặp chị Hà, chỉ mỗi lần về thăm gia đình ở quận Cam thì mới có dịp gặp gỡ, tuy thế tôi vẫn được "gặp chị" qua nhóm anh chị điện thư.

Vào tháng Bảy năm 2018 khi chị về Texas thăm ông anh của chị, tôi đã được dịp đón đưa chị, thoa bóp chân đau và ăn cơm cùng gia đình chị. Chủ Nhật trước tôi đón chị ở phi trường, thứ Bảy sau tôi đưa chị ra phi trường với chuyến bay sớm nhất, hôm đó mặt trời vẫn ngủ chưa muốn dậy, đèn đường còn thấp sáng từ nhà đến phi trường; tôi thầm nghĩ sao chị lại chọn chuyến bay mắt đỏ (red eye flight) này để phải dậy sớm như thế, nhưng

rồi nghĩ lại có lẽ chị chọn chuyến bay này để kịp về làm việc trên đài radio mỗi thứ Bảy, hầu những thánh giả như Mẹ tôi không bị hụt hẫng vì sự vắng mặt của chị?

Nào ngờ ngày đưa chị ra phi trường vào tháng Bảy năm 2018 cũng là lần sau cùng tôi gặp chị. Tôi đã đậu xe ở bãi "departure" để tiễn chị đi, chị ngồi trên chiếc xe lăn mà tôi xin được từ chiêu đãi viên hàng không, giúp chị di chuyển nhanh chóng vì chân chị bị đau hơn cả tháng trời, nhìn chiếc bánh xe lăn quay nhanh đưa chị tiến về phía trước, tôi nói với theo : "Chị nhớ gọi em khi phi cơ đáp xuống nhé."

Ba năm sau cũng vào tháng Bảy năm 2021, tôi cũng tiễn chị ra đi với mắt hoen đỏ và với lời cảm tạ. Cảm ơn chị đã góp phần trong tiếng nói cho cộng đồng người Việt ở quận Cam, nhưng riêng tôi và nhất là Mẹ tôi bao năm qua giọng nói của chị đã bầu bạn đưa Mẹ tôi vào giấc ngủ ngon. Bây giờ chị Hà đã không phải thức khuya dậy sớm nữa rồi, chị có thể ngủ thật ngon với nhiều mộng đẹp... tôi nói vọng tới chị : "Chị nhớ gọi em khi cất cánh nhé."

TRẦN MỘNG TÚ: HÔM NAY MÙA HÈ NÀY

Gửi theo Bùi Bích Hà

Hôm nay

Mùa Hè này

Trong ngôi nhà này

Tôi đi qua

Tôi đi lại

Chạm tay vào kệ sách

Chạm tay vào chiếc bàn trong
góc bếp

Chạm tay vào tách trà

Cái bát ăn cơm

Ly cà phê buổi sáng

Tôi nhìn thấy những khung ảnh trên tường

Cái máy điện toán

Chiếc bàn phấn son

Tủ quần áo

Những đôi giày...

Từng cái



Bùi Bích Hà
(ảnh Trần Viết Ngạc)

Từng cái một
Tất cả rồi sẽ được mang cho
Quần áo người khác mặc
Giày người khác sẽ đi
Cây son se mình lại
Hộp phấn bay mùi hương
Chữ nghĩa trên trang sách
Lệ nào thấm từng chương

Ngôi nhà rồi sẽ rỗng
Trống như một nỗi không

Sẽ là lần cuối
Ngày này
Lần này
Mùa hè này
Tất cả sẽ khép lại

Tôi gạt nước mắt bỏ đi
Nắng Cali cháy se từng ngọn cỏ.

tmt

NGỰ THUYẾT: GIÃ TỪ BÙI BÍCH HÀ

Được tin cô Bùi Bích Hà đã vĩnh viễn ra đi, tôi vô cùng sửng sốt và đau đớn. Cô là một nhà văn nữ có tiếng, đã xuất bản nhiều tác phẩm giá trị. Gần đây, tháng 10 năm 2018, **Đèn Khuya** của *Bùi Bích Hà* do *Người Việt Books* xuất bản gồm hai tập, mỗi tập gần 500 trang. Có lẽ đã có nhiều bài viết về sự nghiệp văn chương của Hà, cho nên phần tôi, tôi chỉ xin được phép nhắc nhở một số kỷ niệm giữa Hà và chúng tôi.

Trước hết về vấn đề xưng hô. Tôi không quen gọi Hà là “chị”. Gọi như thế, tôi cảm thấy nó khách sáo, lạnh lùng, trong khi chúng tôi đã quen biết nhau từ lâu lắm. Tôi vẫn gọi “cô Hà”, hoặc “Hà” và xưng là “tui”, trong khi Hà gọi tôi là “anh” và tự xưng là “Hà” hoặc “tôi”. Xưng hô trong tiếng Việt rất phiền phức và tế nhị.

Hồi còn ở Huế, Hà học khác trường và sau tôi mấy lớp. Nhà của tôi lại gần ngôi biệt thự của đại gia đình cô Hà. Do đó tôi và vài thằng bạn, cái thứ con trai tấp tễnh mới lớn, ở gần đấy, làm sao mà không dần dần khám phá ra rằng vùng mình có một “cô Bắc Kỳ xinh xinh, nho nhỏ”. Thật ra Hà gốc Bắc, nói tiếng Bắc giọng Hà Nội nghe thật nhẹ nhàng, trôi chảy, êm ái, nhưng sinh tại Huế. Chẳng biết mấy thằng kia có để ý nhiều đến người đẹp hay không, nhưng tôi không thể quên cái dáng xinh xinh đó đi học về một mình dẫn chiếc xe đạp từ con đường nhỏ đi sâu mất hút vào trong một khu vườn thâm u, kín cổng cao tường.

Nhà của Hà nhìn ra một cánh đồng khá rộng. Những ruộng lúa xanh rì. Đến mùa lúa chín, là cả một cánh đồng vàng. Nhưng khi mùa đông mưa dầm, gió bắc, rét mướt về, cánh vật thật thê lương. Cánh đồng ngập nước mênh mông trắng xoá, người Huế gọi nước lụt ấy là nước bạc, lội xuống lạnh thấu xương. Tôi nhớ trong một truyện ngắn của Hà có hình ảnh cánh đồng mùa lụt ở Huế. Thêm vào đấy, ngày đêm vang đi rất xa tiếng ếch ương đều đều, và buồn “thúi ruột”. Từ cổng nhà Hà nhìn xéo sẽ gặp một ngôi chùa nhỏ, không biết mang tên gì, thường được gọi là chùa Áo Vàng, vì các vị sư mặc áo vàng.

Thời gian trôi qua quá mau, chúng tôi xa nhau. Đúng ra hồi đó Hà có biết tôi là ai đâu mà bảo là “xa nhau”. Tôi vào Sài Gòn. Sau một thời gian, được tin Hà đã xong Đại Học, làm cô giáo môn tiếng Pháp tại một trường Trung Học, và đã lên xe hoa. Thế là “cô Bắc Kỳ xinh xinh, nho nhỏ” đã là người lớn. Thế là hết tuổi mộng mơ. Của ai nhỉ, của Hà hay của tôi? Từ đấy, bật âm vô tín.

Qua xứ Mỹ này, tôi bắt đầu viết lách. Vào lúc sinh thời của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, tôi gặp lại Hà tại nhà anh ấy ở Orange County, Nam Cali. Dường như tháng nào cũng có một buổi họp mặt tại nhà anh chị Giác. Khi có bạn văn nào đến thăm Tiểu Sài Gòn, lại cũng họp mặt chào đón. Hà đến đấy đều đặn, tôi cũng thế. Chúng tôi gặp lại nhau sau bao nhiêu năm bất tin, xiết bao vui mừng, sau khi tôi “thành thật khai báo” ngọn ngành cho Hà biết tôi là ai. Nhìn lại Hà, tôi cũng nhận ra mấy nét quen thuộc ngày xưa dù nay Hà đã có con, có rể. Nét nổi

bật toả sáng nơi Hà là sự niềm nở, chí tình, và cung cách cư xử ân cần, nhẹ nhàng, thân thương.

Thỉnh thoảng đến dự những Đại Hội Nhớ Huế, hoặc Hoàng Tộc, tôi lại gặp Hà. Hà rất trân quý xứ Huế, từ cảnh vật, thời tiết, con người, giọng nói cho đến phong tục, tập quán, món ăn, thức uống, vân vân. Và ngược lại các tổ chức liên quan đến Huế đều xem Hà như một thành viên cốt cán.



Hàng trước, từ trái : Ngự Thuyết, Bùi Bích Hà, Tống Kim Chi, Lê Trọng Ngưng

*Hàng sau, từ trái : Hồng Vân, anh chị Nguyễn Đình Cường
Hình chụp tại quán Ngọc Sương.*

Thế rồi Nguyễn Mộng Giác qua đời trong sự thương tiếc của mọi người. Và cũng đáng tiếc không kém, các buổi họp mặt đó thưa dần và chấm dứt. Nhưng Hà và chúng

tôi vẫn quyết tâm tìm nhau.

Chúng tôi gồm Bùi Bích Hà, Lê Trọng Ngưng, Tống Kim Chi, Phạm Tạo, anh chị Nguyễn Đình Cường, và tôi, bèn họp thành một nhóm nhỏ mỗi tháng gặp nhau một lần tại nhà riêng của mỗi người, hay tại nhà hàng. Ăn uống, chuyện trò, nghe nhạc. Chúng tôi đã gặp nhau như thế nhiều lần. Ngoài ra, chúng tôi dự định sẽ cùng nhau đi *cruise*, hoặc thuê xe kể cả tài xế đi thăm các thắng cảnh của Nước Mỹ mệnh mông này, nhất là các tiểu bang, thành phố nằm ven Đại Tây Dương. Ở bờ Tây, mơ tưởng đến bờ Đông. Hà là một trong vài người hết sức tán đồng dự định nói trên.

Chưa thực hiện được dự định đó thì đại dịch nổ bùng. Chúng tôi bảo nhau chờ vậy, chờ thuốc chủng, chờ cơn dịch lắng xuống, rồi hẵng cùng nhau tổ chức những chuyến đi xa.

Chờ lâu quá chưa thấy có tin tức gì lạc quan, Hà có vẻ sốt ruột, đề nghị rằng chưa đi xa được thì ta cứ việc gặp nhau tại nhà, vì các tiệm ăn chưa được phép mở cửa, miễn là nhớ cách ly, đeo khẩu trang, không bắt tay, vân vân. Thế là khỏi sợ gì nữa. Anh em có người đồng ý, có người không, có người lại bảo sẵn sàng tham gia nhưng con cái không cho bố mẹ đi. Lại phải chờ.

Sau khi đã có thuốc chủng, Hà và Tống Kim Chi mời mọi người đến quán Ngọc Sương trên đường Brookhurst. Quán lúc ấy chưa được phép mở cửa “thả giàn”, chỉ 25% thôi, trang hoàng thật lộng lẫy, thức ăn thức uống ngon lành và đầy đủ. Tuy thế, khi chúng tôi vào, trong quán

chỉ một bàn có khách ngồi. Chúng tôi chiếm bàn thứ hai cách xa bàn đó.

Bữa tiệc “bỏ túi” vui quá sau gần một năm không gặp mặt nhau. Ai nấy đều lớn tuổi nhưng ham vui nên ăn uống như hạm, chuyện trò nổ như pháo ran. Hà là người vui nhất, nói năng ý nhị và say sưa nhất. Xong tiệc, chúng tôi sắp xếp chương trình chi tiết sẽ đến nhà ai trước, rồi tiệm nào.

Một vài người trong nhóm vì công việc riêng phải đi xa, chúng tôi đành phải hoãn lại cuộc họp mặt tại nhà.

Thứ Năm tuần trước, được tin Hà bị té ngã tại nhà, phải vào bệnh viện. Hà sống một mình, khi té ngã không ai biết, nên vào bệnh viện trễ. Hà bị bất tỉnh hơn 5 tiếng đồng hồ mới được đưa đi cấp cứu, thì đã quá muộn. Số mệnh thật oái ăm. Một người như cô Hà, yêu đời, tích cực, thương mến gia đình và bạn bè, lại ra đi sớm hơn chúng tôi.

Hôm nay Thứ Tư, 14 tháng 7 năm 2021, khi tôi viết những dòng này, thì được tin nhà văn Bùi Bích Hà vừa qua đời. Tin buồn về Hà đã vào bệnh viện và không thể cứu chữa nổi đã đến với chúng tôi, nhưng nay Hà thật sự ra đi càng khiến tôi bàng hoàng, ngẩn ngơ. Bạn bè trong và ngoài nhóm gọi nhau qua điện thoại, ai nấy đều ngậm ngùi. Có bạn tìm an ủi: chị Hà ra đi như thế cũng là điều hay, tránh được những đau đớn về thể xác.

Cầu nguyện nhà văn Bùi Bích Hà sớm yên vui nơi cõi vĩnh hằng.

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT: ĐÈN KHUYA VỤT TẮT

Tin chị Trần Mộng Tú báo cho chúng tôi biết chị Bùi Bích Hà bị bất tỉnh thành lình tại nhà và được đưa vào bệnh viện trong tình trạng hết sức nguy kịch đến với tôi ngay giữa lúc tôi đang đọc tác phẩm Đèn Khuya của tác giả Bùi Bích Hà.



Lúc ấy tôi đang ở nhà anh Việt, ông anh cả tôi, tại tiểu bang Virginia. Đầu tháng Bảy chúng tôi rời Seattle bay qua miền Đông và ở đó hai tuần lễ, nhân dịp giỗ thứ 58 của thân phụ chúng tôi, nhà văn Nhất Linh. Trên giá tủ sách nhà anh Việt có hai quyển sách dày, bìa màu đen, chính giữa khung đen nổi lên một khoảng sáng nhỏ của một ngọn nến với hai chữ Đèn Khuya cắt ngang. Tôi biết chị Hà đã cho xuất bản tác phẩm sau cùng này của chị vào năm 2018 nhưng tôi chưa có dịp đọc. Bây giờ là thời gian nhàn nhã lý tưởng để nghiền ngẫm tác phẩm này, nhưng khi tôi đang đọc gần hết tập I thì tin chị phải vào bệnh viện làm tôi không có tâm đâu để đọc tiếp. Chúng tôi email cho nhau và cùng cầu nguyện cho chị thoát cơn hiểm nghèo. Nhưng buổi sáng ngày 14 tháng

Bây, trong lúc ngồi chờ máy bay ở phi trường Charlottesville để trở về Seattle, tôi giờ email và được tin chị Tú cho biết chị Hà vừa qua đời. Ngọn đèn khuya vụt tắt. Chị chọn ra đi đúng vào ngày “Quatorze Juillet” là ngày lễ lớn của Pháp có lẽ vì chị Hà hồi nhỏ học trường Tây, chị thấm nhuần văn hoá Pháp, những ngọn pháo bông sáng rực bầu trời Paris rồi lịm đi trong bóng đêm như chào đón và tiễn đưa chị qua bờ một thế giới khác.

Đối với riêng cá nhân tôi cũng như đối với đại gia đình chúng tôi chị Bùi Bích Hà không những được xem như một người thân lâu năm, mà còn được xem như “người nhà”. Tôi không rõ bắt đầu từ khi nào chị đi vào gia đình Nguyễn Tường chúng tôi như một người thân quen, có lẽ bằng con đường văn của chị. Trong bài “Tưởng nhớ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam”, tác giả Bùi Bích Hà viết: “Năm tôi mười bảy tuổi, do nhà văn Duy Lam Nguyễn Kim Tuấn (lúc bấy giờ đang đóng quân ở Huế) khuyến khích, tôi có gửi vài truyện ngắn ký bút hiệu Chi Hương, được Nhất Linh cho đăng ở Văn Hoá Ngày Nay, bộ mới, với lời khen ngợi qua một thư ngắn viết tay cho tôi mà tự dạng về sau tôi có dịp so sánh, rất giống với nét chữ của những nhà văn khác thế hệ thứ hai của dòng họ Nguyễn Tường, mỏng, nhỏ, ngoằn ngoèo, gãy vỡ, chông chênh nhiều khoảng trống xung quanh”.

Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra tại Huế vào thời điểm đó giữa một cô nữ sinh Đồng Khánh mê văn chương mang bút danh Chi Hương và nhà văn Duy Lam, vị sĩ quan trẻ tuổi đang đóng quân ở Huế, chỉ biết rằng

sau này có tin đồn trong họ là chị Bùi Bích Hà “suýt nữa làm dâu họ Nguyễn Tường”. Sau này thân với chị tôi hỏi chị về lời đồn đãi này thì chị chỉ cười, không xác nhận cũng không đính chánh. Vào Sài Gòn sau này cho dù khi cả hai người đã lập gia đình rồi chị Bùi Bích Hà vẫn giữ tình thân với tất cả mọi người trong “Gia Đình Tôi”, tên một truyện vui nổi tiếng của Duy Lam (“Gia đình tôi” tức gia đình bà Nguyễn Thị Thế, mẹ của Duy Lam, em của Nhất Linh, Hoàng Đạo, và chị của Thạch Lam)

Tin chị Bùi Bích Hà ra đi đột ngột khiến tất cả chúng tôi sửng sốt và thương tiếc.

Một vài tuần lễ trước thành phố Seattle trải qua một cơn nóng chưa từng xảy ra, nhiệt độ lên đến gần 110 độ F. Cái nóng là đề tài cho nhóm bạn chúng tôi thảo luận trên email. Vì chị Bùi Bích Hà và tôi là hai người duy nhất trong nhóm đã có kinh nghiệm sống nhiều năm ở xứ Huế, nên chúng tôi san sẻ kinh nghiệm về cái nóng kinh hồn ở Huế vào mùa Hè. Mùa Hè cũng là mùa của thi cử, chúng tôi trốn cái nóng trong nhà đi vào Đại Nội đến hồ Tịnh Tâm nhiều bóng cây mát để “gạo cua”.

Trong lá thư đề ngày June 28, 2021, trong phần tái bút chị Hà viết: *“Anh Thiết nhắc đến hồ Tịnh Tâm (Huế) khiến tôi thấy lại cả một thời mới lớn ở nơi ấy. Mùa Hè, sen nở đầy hồ, gió thoảng hương trong trời đất dịu dàng. Cô Mùi (Thái Vân) phải cảm ơn ông Tư bà Nguyệt để dành anh Thiết cho cô bởi vì không ai đến hồ Tịnh Tâm một mình cả, cứ đến đấy là thấy cơ hội có chút gì để nhớ để thương! Anh Thiết chớ hỏi ngược lại tôi nhé vì ngày ấy (đầu thập niên 50) chúng tôi đi cả một bầy, ăn quà,*

ngịch tình, nói cười như chợ vỡ tuy khai với cha mẹ là đến đấy học bài. 70 năm rồi, anh tin không?”.

Chị Hà ơi,

Hồ Tịnh Tâm nay không còn trong kỷ niệm của chị nữa. Bây giờ chị đang đi vào một Hồ Tịnh Tâm khác bao la hơn, một cái hồ đúng nghĩa nhất của hai chữ Tịnh Tâm, bởi vì nơi đó chị không còn phải vương bận về tất cả những gì “để nhớ để thương”, vốn là nguyên nhân tất cả những hệ lụy của cõi đời này, của những người bạn đang nhớ thương chị không sao kể xiết.

NGUYỄN TIẾN DŨNG: NHỚ CÔ GIÁO XƯA

Báo mạng *Diễn Đàn Thế Kỷ* vừa mới Email cho biết cô Thái Hà (giáo sư Bùi Bích Hà) bị đột quỵ và đã qua đời vào ngày 14 tháng 7 vừa rồi, tôi cũng như các bạn ở trường Nguyễn Trãi đều bàng hoàng, sửng sốt.

Năm 1969 tôi học Pháp văn với cô lớp Độ nhị chuẩn bị thi tú tài, khi ấy cô mới đổi về Sài Gòn được mấy năm. Người cô nhỏ nhắn hai gò má cao trông rất giống xướng ngôn viên Barbara Walters đài truyền hình Mỹ lúc bấy giờ. Cô nói tiếng Pháp lưu loát giảng bài lúc nào cũng *analyse* : đâu là *sujet d'un verbe*, đâu là *complément...* *Verbe* phải biết đủ *tous les temps: présent, future, passé composé...* Sau bao năm ở Mỹ, bây giờ nhắc lại vài tiếng Pháp còn nhớ được trong bài giảng của cô năm xưa, lòng không khỏi bồi hồi xúc động.

Giọng của cô nhẹ nhàng, phảng phất một chút đài các từ Văn Miếu, hồ Gươm, nhắc nhở đến trường Nguyễn Trãi đất Hà thành ngày nao. Học trò phải ráng lắm mới theo kịp bài giảng, cô biết thế nên thường hay khuyên : “Học Pháp văn, hay học toán, hay bất cứ môn học nào, luôn luôn phải cố gắng. Mai này ra đời làm nghề gì cũng vậy, phải cố hết sức mình, sau đó *que sera sera*.” Nhân từ, độ lượng, và cảm khái thay lời nói ấy lại do cô Hà nói ra, mà lẽ ra phải xuất phát từ một bậc tu hành. Cô cũng không nhắc nhở chúng tôi cố gắng trở thành quan nghè, ông thám, bác sĩ, kỹ sư... chỉ cần trở thành một người bình thường nhưng biết tận tâm, chịu khó làm

hết khả năng của mình. Nghe lời lẽ ấy của cô, tôi chột tỉnh ngộ, cố gắng chấn chỉnh học hành kỹ lưỡng hơn. Tôi canh cánh mãi trong lòng câu nói ấy suốt nửa thế kỷ nay, lúc nào cũng tự hứa làm theo lời cô dạy.

Đường đời sao lắm chông gai, gặp cảnh đổi dời, ông nghè, ông cống cũng nằm co, dân Việt đổ tủa ra biển Đông đi tìm đất sống. Cô đến Mỹ với cả gia đình, một mình nuôi dạy các con nên người; các chị con của cô đều học hành thành đạt, sau này đều có địa vị trong xã hội. Tôi gặp lại cô trong hội Nguyễn Trãi khi học trò họp lại chúc tết thầy cô hàng năm. Lúc này cô hoạt động trong lãnh vực truyền thông, hình ảnh và tiếng nói của cô quen thuộc trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình. Một số nhân vật của báo Người Việt đối với tôi có tình sư đệ thắm thiết : thầy Trần Đại Lộc, cô Bùi Bích Hà, cô Lã Phương Loan đều là những ân sư của tôi ở trường Nguyễn Trãi, Sài Gòn.

Năm 2019, tiệm phở 79 Garden Grove nơi tôi làm việc, được giải thưởng James Beard America's Classics Award về nấu ăn. Cô Hà rất vui mừng, viết trên báo, tuyên bố trên radio cô rất hài lòng khi thấy một trong những người Việt được giải thưởng Oscar về ẩm thực lại là một nam sinh học trò cũ của mình. Thừa cô, em đã làm đúng lời cô dạy từ năm mười năm trước, chỉ không ngờ phần “que sera sera” lại là một giải thưởng làm cho cô hãnh diện ít nhiều. Nguyên xin ơn trên phù hộ tiếp dẫn cô.

Vĩnh biệt cô, Nguyễn Tiến Dũng học trò năm xưa của cô.

TRẦN DOÃN NHO: ĐẾN LÚC ĐI, LÀ ĐI

Buổi sáng, chị gửi ra một email ngắn cho bạn bè trong nhóm, giọng điệu vui vẻ, trêu chọc.

Buổi chiều, chị đột ngột rời thân xác mình.

Thân xác nằm im. Chị nằm im.

Và mấy ngày sau, thân xác vẫn nằm im, nhưng chị ra đi. Một ra đi dứt khoát, không chia tay, không chuẩn bị, không bịn rịn, không nuối tiếc. Một ra đi tuyệt đối. Không đau cái đau thân xác. Không đau nỗi đau tử biệt sinh ly. Một chuyến hành trình vào vô hạn.

Bạn bè bàng hoàng, sửng sò, ngỡ ngác, ghen lời. Nhưng chị hạnh phúc. Đến lúc đi, là chị đi. Từ cõi trần gian nhốn nháo, chị nháy một bước ra cõi ngoài, một bước nháy đến hân bờ bên kia, *đáo bỉ ngạn*. Nhẹ tênh tênh!

Lâu lắm rồi, chị viết, *“Trên con đường đi tới cuối đời, hình như mọi người đều có nhu cầu quay lại, để thấy con đường dài thêm và hành lý có nhiều, để tự an ủi thật ra kiếp phù sinh không phải chỉ có ba vạn sáu ngàn ngày.”* (Huế yêu dấu)

Là vậy, nhưng vào lúc cuối đời, chị đi, không ngoái lại.
Đi thẳng.

Tất cả ở đằng sau chị đều KHÔNG.

Và chị thành KHÔNG.

*

Hôm đó, một ngày tháng 7 năm 1994, sau khi định cư tại Boston một năm trước đó, tôi ghé thăm quận Cam, được Nguyễn Mộng Giác rủ tôi đến dự một bữa ăn tối tại nhà Bùi Bích Hà. Có mặt trong bữa ăn, ngoài Nguyễn Mộng Giác và nữ chủ nhân, còn có Nguyễn Xuân Hoàng, Nhật Tiến và Trần Mộng Tú. Đây là lần đầu tiên tôi đến quận Cam, lần đầu tiên được gặp những tên tuổi văn chương mà tôi yêu mến, lần đầu tiên tôi được sống trong không khí văn chương sau gần hai thập niên im lặng và câm lặng trong nước. Đến nhà một người lạ, lại nghe giọng Bắc ngọt, đậm và lịch lãm của chủ nhân, tôi cảm thấy hơi ngại ngùng. Nhưng Bùi Bích Hà lịch lãm mà thân tình, chu đáo mà cởi mở khiến cho một người vừa mới qua Mỹ định cư như tôi cảm thấy ấm áp. Bữa ăn là một kỷ niệm dịu dàng khó quên.

Đó là lần đầu tiên tôi gặp Bùi Bích Hà.

Về sau, tôi được gặp lại chị nhiều lần, ở nhiều nơi khác nhau. Khi thì ở nhà một bạn văn, khi thì trong những buổi ra ra mắt sách, khi thì tại các lần hội thảo về Văn Học Hải Ngoại, về Tự Lực Văn Đoàn, hay Văn Học Miền Nam mà chị là điều hợp viên. Lúc nào cũng như lúc nào, gặp nhau là gặp một Bùi Bích Hà vui vẻ, xởi lởi, thân

tình, trao đổi chuyện văn, chuyện đời vui nhộn như bấp rang. Mãi cho đến khi, tình cờ, tôi có cơ duyên tham gia vào một nhóm bạn email nho nhỏ, trong đó có Trần Huy Bích, Trần Mộng Tú, Nguyễn Tường Thiết, Lê Hữu, Phạm Phú Minh...và chị, nơi chúng tôi thường xuyên trao đổi tin tức về văn học, xã hội và cả về chính trị, chị và tôi “đâm ra” thân nhau. Thỉnh thoảng, khi có vấn đề gì đó tôi nêu ra trong nhóm mà chị hết sức tán đồng hoặc muốn phản bác, nhưng thấy không tiện gửi chung, chị email thảo luận riêng với tôi. Chị và tôi tâm đắc nhiều điều nhưng cũng chửi nhau nhiều điều. Chị thẳng thắn và nhiều cảm xúc. Có chuyện có vẻ “gay cấn” quá, chị ngưng lại, rủ tôi về Little Sài Gòn, mời đi uống rượu để thảo luận tiếp cho ra lẽ (!). Tôi hẹn chị mùa hè hay mùa thu 2021, khi hết dịch.

Ngày 22/11/20, chị email cho tôi:

Thưa anh Trần Doãn Nho,

...Đang cố bắt chước để được làm hàng xóm của anh mà không biết có xong không đây? Tạm thời thì chủ nhật 29/Dec sắp tới, tôi có mặt ở Grand Prairie, cách Arlington vài ngã tư. Nếu anh không ngại COVID-19 đến từ California, tôi xin phép sẽ điện thoại mời anh cùng ông anh ruột của tôi sống bên đó, đi tới một nhà hàng nào có rượu ngon để cụng ly mừng cuộc đời vẫn vui như ong bay chứ uống rượu hàm thụ thì ... hình như cũng kém hăng hái ạ! Nếu được anh đồng ý, xin cho điện thoại để liên lạc anh TDN nhé! Cảm ơn anh rất nhiều và kính chúc anh cùng gia đình mùa lễ Tạ Ơn đoàn tụ, đầm ấm và nhiều niềm vui. (Bbh)

Tôi rất vui, nên trả lời ngay:

Chào chị Hà,

Cám ơn chị đã có nhã ý rủ tôi đi uống rượu. Và xin được nhận lời ngay một cách thích thú. Có gì vui hơn được ngồi với chị tại đây. Grand Prairie cách nhà tôi chừng 20 phút lái xe. Nếu được gặp thì xem như là lần đầu tiên được gặp bạn bè sau 10 tháng bị cô lập. Vâng, khi nào chị đến, chị cứ gọi, và tôi sẵn sàng đi ngay(...) Ngoài ra, cũng xin thưa với chị một chuyện. Chị thuộc thế hệ trước tôi, thế hệ của các thầy cô dạy tôi hồi học cấp 2, cấp 3 (...) Nếu không trực tiếp dạy tôi thì chị cũng là lớp đàn anh, đàn chị. Vì thế, khi nào chị cũng viết "Thưa anh..." làm tôi giảm thọ hết mấy tuổi. Rất mong chị xem tôi như một người em hay như một người bạn nhỏ tuổi là vui lắm rồi. (TDN)

Chị gửi tiếp:

Anh TDN ơi,

Tôi hay nói câu "Trời cho thì được" và chị Tú cứ cười tôi nhà quê. Thế nhưng tôi thấy nhân tiền, cứ Trời cho là được, như lần gặp anh sắp tới. Tôi rất mừng, lại thấy cố nhân nói gì cũng đúng luôn: Tha hương ngộ cố tri. Tôi chỉ có hai anh em. Anh tôi trước cũng ở Arlington, sau moved về Grand Prairie chắc cũng trên 10 năm rồi. (...) Được anh nhận lời đi uống rượu, anh tôi có bạn đối ẩm, tôi gặp lại bạn quý, còn gì hạnh phúc hơn nữa? (...) Cảm ơn anh một lần nữa và hẹn gặp.(bbh)

Nhưng đến ngày 28/11/2020, chị viết:

Do trục trặc từ Travel Agency, chuyến đi của tôi trễ lại một tuần. Thay vì tôi đi ngày 29 Nov như đã thông báo, tôi sẽ đi ngày 6 Dec. Thành thực xin lỗi anh và vẫn hẹn sẽ gặp anh bên ấy. Sẽ text đến anh thứ hai 7 Dec. Ngoài ra, chương trình như cũ ạ! Cảm ơn anh rất nhiều. Tình thân,(Bbh)

Không xong rồi! Email trước, chị nói là chị qua ngày 29 tháng 12, bây giờ chị nói qua ngày 6 tháng 12. Chị đã đề lộn ngày. Trong email trước, tôi nhận lời vì tưởng chị qua sau Giáng Sinh. Tôi trả lời:

Chị Hà ơi,

Hiện tôi đang ở Boston (...) và chỉ trở về lại Dallas trước Giáng Sinh. Vậy là không có duyên gặp chị rồi. (...) Như thế là chị đề lộn ngày. (...) Mong gặp lại chị một ngày nào đó, sang năm chẳng hạn.

Chị viết tiếp:

Tuổi già bết bát, chữ tộ đánh chữ tác, không tránh khỏi anh TDN ơi! Đúng là duyên kỳ ngộ thần tiên thì cũng khó xảy ra lắm, cái chance không gặp nhiều hơn là có gặp anh ạ! Tôi đã nói mà chị Tú cứ cười, là Trời không cho thì chịu...

Vậy là cuộc hẹn ở Arlington không thành.

Và cuộc hẹn ở Little Sài Gòn cũng không thành.

*

Trong bài viết tưởng niệm nhà văn Nguyễn Mộng Giác, “Chào anh lần cuối”, chị viết ngay đầu bài:

“Cứ mỗi lần đi đến nhà quán để làm nghi lễ vĩnh biệt một người thân, lòng tôi luôn có nỗi ân hận về một điều gì chưa kịp làm hoặc đã chệnh mảng không làm đối với người vừa nằm xuống. Rất nhiều lần cố tự nhủ đừng để xảy ra chuyện đáng tiếc này nữa nhưng vẫn đủ gần ấy lần thấy mình không tránh khỏi ăn năn, hối tiếc.” (Chào anh lần cuối)

Đó cũng là cảm giác của tôi trong lúc này khi nghĩ đến chị.

Biết bao điều muốn giải bày với chị và biết bao điều muốn nghe chị giải bày về một vài chuyện, những chuyện linh tinh lỉnh kỉnh mà nói cho cùng, thật ra, cũng sẽ chẳng đi đến đâu. Có chuyện chỉ để có bạn.

Nhưng ở đời, chuyện nào cũng là chuyện nào, đâu có gì quan trọng, chị Hà nhỉ?

Đến lúc đi, chị đi.

Chị đã đi đã đi đã đi đã đi đã đi đã đi...

BÙI VĨNH PHÚC: BÙI BÍCH HÀ, MỘT MÌNH TRONG NỖI NHỚ

Bùi Bích Hà chỉ mới tự giới thiệu mình với độc giả hải ngoại bằng tập truyện ngắn *Buổi Sáng Một Mình*, do nhà Người Việt in năm 1989, cùng với một vài bài tùy bút về quê hương đăng rải rác trên một số báo chí và tập san văn nghệ trong mấy năm qua. Thế nhưng, chỉ với tập truyện ngắn và một vài bài tùy bút ấy, bà đã để lại những ấn tượng rõ nét trong lòng người đọc về một văn phong trầm lặng nhưng lại ẩn chứa đầy những sôi sục bên dưới, và một trái tim thiết tha nhưng luôn quần quai với những câu hỏi của đời sống.



Thật ra, Bùi Bích Hà còn có một tác phẩm khác, cũng do nhà Người Việt in (năm 1991), là tập *Bạn Gái Nhỏ To*. Tập sách chọn lọc một số những câu hỏi của độc giả về những vấn đề của cuộc sống lứa đôi, đăng hằng tuần trên trang Phụ Nữ của nhật báo Người Việt mà bà phụ trách. Tác giả ký tên là Thái Hà trong mục này. Những ý kiến và những lý giải của Bùi Bích Hà trên trang báo này cho thấy bà có một sự đồng cảm sâu đậm với những

người đến với bà. Bà gần gũi với những vấn đề con người và bà có một năng khiếu đặc biệt, bắt nguồn từ chính sự thông minh nơi con người bà, để trợ giúp người khác trong những khó khăn về mặt tình cảm. Cái nhìn của bà phóng khoáng nhưng không thiếu sự nghiêm túc. Tự do cho con người và trách nhiệm của nó để xứng đáng có được sự tự do đó là những gì tôi nhận thấy, một cách tổng quát, trong những đóng góp thiết tha và giàu lòng nhân ái của Bùi Bích Hà qua tập sách vừa nói.

Dù sao, trong bài viết này, tôi sẽ tập trung sự phân tích của mình vào tập truyện ngắn *Buổi Sáng Một Mình*.

Đó là một tập sách gồm có mười lăm bài văn pha trộn những thể loại khác nhau: truyện ngắn, tùy bút, thư. Thật ra, có thể nói đây là một tập truyện ngắn được mở đầu bằng một lá thư cho một người bạn, một người mà tác giả quý mến, và chấm dứt với một tùy bút viết về Huế, quê hương một đời của bà.

Câu văn, hình ảnh và những rung động của Bùi Bích Hà, trong mắt nhìn riêng tôi, có một khoảng cách khá rõ so với câu văn, hình ảnh và những rung động của đa số những người viết hiện nay có tác phẩm xuất bản ở ngoài nước. Đọc văn của những người khác, ta thấy đời sống và tâm lý nhân vật như quay theo một trục quay gần gũi với cái trục quay vật lý và xã hội của cuộc sống này. Chúng quay nhanh hơn cái nhịp mà ta vẫn hằng quen biết, ngày xưa, ở quê nhà. Cái nhịp quay ở đây là cái nhịp quay của một xã hội hậu-kỹ nghệ đang tiến những bước dài sang một xã hội đặt căn bản trên sự

thông tin. Con người ở đây đang phóng mình hồi hải trên những xa lộ thông tin (information highway), đang “trượt sóng” trên những hệ thống tin tức liên-quốc-gia (surfing the Internet) trong một cái không gian được điện tử hóa (cyberspace). Đời sống là những vòng quay xấn tới, và con người trong xã hội này phải bắt vào cái nhịp của những vòng quay vừa nói.

Bùi Bích Hà và các nhân vật của bà, trong cái nhìn của tôi, hình như vẫn ở bên ngoài cái vòng quay ấy. Có những lúc, tôi có cảm tưởng rằng họ đã chọn lựa sự bất tham dự đó.

Chúng ta hãy nghe tác giả phân bày cái tâm thế này:

Trong nhịp sống quay cuồng của nền văn minh cơ khí Hoa Kỳ, thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại một dàn hoa thiên lý, một dàn mướp bông vàng phơi trên bờ dậu có những chú ong như một hòn bi tròn xoe, xanh biếc, liệng chấp chới, tiếng cánh đập vù vù những vòng bay khát khao, nghe như trời đất cùng rạt rào âm hưởng. Thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại tiếng chim hót buổi sớm mai trong veo như chuỗi ngọc, trong khu vườn có cây mẫu đơn còn giữ trên cái cành nâu và trên những phiến lá xanh tươi một cái vầng nhện lấp lánh sương dưới ánh nắng đầu ngày trông giống như tấm mạng che mặt của cô dâu kết bằng những hạt mưa thanh tao, trong trẻo và kỳ lạ nhất. Thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại vòm không gian thoang thoảng hương của hằng trăm loài kỳ hoa, dị thảo lúc nào cũng xao xuyến những thanh âm đến từ một cuộc sống vừa náo nức, sung mãn, vừa thâm trầm, bền bỉ: tiếng gió, tiếng mưa, tiếng trắng trên mặt nước, trong hàng cây,

tiếng ve sầu, tiếng dế, tiếng tắc kè, tiếng ếch ương...

(Đã Mất Cùng Với Mậu Thân (II))

Đó là những thiết tha cứ đan kết mãi những tấm màn sương móc vô hình trong trái tim tác giả. Bà yêu cuộc sống sâu lắng và bình hòa cũ, với những rung động tế vi của trời đất cũng như của lòng người. Tất cả những điều trên có thể là vô nghĩa với nhiều người, những người vì cuộc-sống-còn đã để cho mình bị cuốn hút vào một vòng quay mới, hay đã quên đi những bước chân êm đềm, tha thiết của một quá khứ ngày xưa. Bùi Bích Hà thì không. Bà không quên, bởi vì bà nhìn ra được ý nghĩa của những cái tưởng là vô nghĩa kia:

(...) sự vô nghĩa ấy vẫn còn đáng giá hơn đời sống của một người lưu lạc mất quê hương, sáng chiều giam mình trong những cái hộp khổng lồ, lao động nhọc nhằn chỉ để nuôi sống một cái xác thân tầm thường, tục lụy.

(bài đã dẫn)

Thật ra, nhìn một cách nào đó, tâm thế của Bùi Bích Hà là một tâm thế bi quan. Nhưng bi quan không hẳn là một giá trị văn chương. Somerset Maugham cũng bi quan. Gustave Flaubert cũng bi quan. Và cả Võ Phiến với Nguyễn Mộng Giác cũng bi quan. Giá trị của văn chương nằm ở cách thế của sự nhìn ngắm, quan sát và lý giải đời sống. Bi quan hay không bi quan, hay lạc quan, chỉ là một chỗ đứng, một góc độ từ đó con người nhìn ngắm đời sống, nhìn ngắm vấn đề mà thôi. Nếu anh bi quan, và cái bi quan của anh sâu thẳm, làm bật ra được những ý nghĩa của đời người, anh vẫn là một

nhà văn đóng góp được những điều đẹp đẽ cho con người, cho cuộc sống. Nếu anh lạc quan, và sự lạc quan đó hời hợt, anh chẳng đóng góp được gì, nếu không muốn nói rằng anh có thể tạo ra cho người đọc anh những ảo tưởng về cuộc đời nữa.

Đọc Bùi Bích Hà, tôi có cái thích thú như được xem một cuốn phim Pháp cũ. Động tác của nhân vật từ tốn, không hối hả. Ngôn ngữ họ cũng vậy. Mà cái không khí bao quanh họ cũng thế. Tất cả đều chậm chậm lướt qua lướt qua với những ý nghĩa của lời nói, của dáng điệu cử chỉ hành vi nhân vật... Tất cả đều được nhìn ngắm một cách tường tận, rõ nét. Cuộc sống ấy là cuộc sống được đặt trong một thế giới hợp lý, với những chìa khóa để ở đâu đó trong cuộc đời này mà con người có thể tìm kiếm ra. Còn cuộc sống náo động bây giờ thuộc về một thế giới khác. Một thế giới với những hoàn cảnh, những vấn đề, những hiện tượng bất lý giải hay bất khả lý giải. Chìa khóa của vấn đề, rất nhiều khi, đã được quăng vào rốn bể. Và con người, bây giờ, chạm mặt với những phi lý của đời sống. Những phi lý làm nó xao xuyến và buồn nôn. Và con người bị đẩy ra ngoài cuộc đời. Với một thiên nhiên nhiều lúc đã trở thành xa lạ, và một nội tâm nhiều khi đã trống rỗng. Đã mất rồi những hình bóng và âm hao cũ.

Tác giả là một người có những rung động thật sâu và sắc bén. Phân tích tâm lý nhân vật của Bùi Bích Hà làm cho người đọc có cảm tưởng rằng bà thường tự phân tích mình trong những tình huống hằng ngày của cuộc sống. Trong những mô tả về những rung động tế vi của

con người và trong những cuộc giải phẫu tâm lý nhân vật, Bùi Bích Hà chứng tỏ bà là một người tinh tường:

(...) Thuận bỗng sực nhớ đến bà xếp của Thuận. Hồi này bà ấy đẹp ra một cách kỳ cục (...) Ánh sáng và bóng tối chập chờn trong hai vũng mắt khiến cái nhìn của bà trở nên mê đắm, hoang dại. Toàn thân bà như một thứ trái cây chín căng, chín ngọt ngào, như một vết thương đang tấy đỏ. Đứng gần, tưởng nghe được cả sự rung động võ nhẹ bên dưới lớp vải áo.

(Cơn Bão)

(...) Đôi cánh tay nàng để trần. Bộ ngực săn chắc và hơi cong lên như một đôi sừng bò non của Bích thơm mùi bông sả. (...) Những buổi tối thần tiên ấy đã qua và hết vào một lúc nào cả hai đều không ý thức. (...) Chàng muốn được sống lại những cảm xúc đẹp để lúc ban đầu của cả hai, song Tấn biết là điều này không thực hiện được. Cuộc sống như một mặt ao tù hãm chìm ngập họ. Thỉnh thoảng, Tấn cố ngoi đầu lên và vuốt mặt để nhìn thấy Bích, có khi bằng lòng chỉ vì cái cảm giác Bích vẫn còn đó, bên cạnh Tấn, giữa đám rong rêu chập chờn, vướng bận.

(Vẫn Còn Nắng)

Trong cái thế giới nội tâm ấy, nhân vật của Bùi Bích Hà có cảm giác ngọt ngào, khó thở, và, có những trường hợp, căng thẳng vì những kích thích do chính nội tâm của mình sắp đặt. Nhưng, thường thì cái thế giới bên ngoài vẫn là cửa ngõ giải cứu cho cả tác giả lẫn nhân vật của bà.

Thiên nhiên trong thế giới của Bùi Bích Hà rất đáng yêu. Đó là một thiên nhiên còn giữ lại được trong nó rất nhiều chất sống. Một thiên nhiên sinh động và đậm nét khát khao. Nó thiết tha, dịu dàng và thơm mùi trời đất, cỏ cây bát ngát. Nó thơ mộng và mềm đẹp như một cánh bướm non. Và nó ủ đầy trong nó những hình bóng và những xôn xao ngọt ngào của một hồi ức còn hồng và thơm mùi trái chín:

(...) Một cảm giác vừa kinh ngạc vừa sung sướng kỳ lạ tỏa ra trong lòng Quyên, như một chiếc dù nấm mở rộng, cánh nấm đầy mượt màu xám hồng phủ một lớp phấn độc làm Quyên váng vất say.

(Cuộc Hẹn)

(...) Hiên đã từng mất hàng giờ để mô tả cho bạn Hiên cái thơm ngon mê đắm của một đũa mía thả xuống giếng nước cho lên màu đỏ rượu, xong rồi tiện ra từng khoanh, ủ với hoa bưởi trong một cái khăn vải ẩm. Những đêm trăng mùa Hè của cả một thời thơ ấu, Hiên đã cùng đám bạn nhỏ thưởng thức món ăn này trong khu vườn quê ngoại. Màu hoa bưởi trắng muốt, màu những lông mía tươi xanh điểm một đường gân hổ phách, màu trắng trong suốt như thủy tinh, tất cả đã tạo nên một màu đêm điểm tuyệt trong ký ức Hiên.

(Chuyện Của Hiên)

(...) Những ngọn cây hai bên đường mùa này trở đầy hoa tím, nhắc nhở không nguôi hàng cây sầu đông trong khu vườn rộng nhà tôi năm xưa ở một khu ngoại ô thành phố Huế. Thuở ấy, những ngày mùa Đông mây xám thấp

ngang đầu, hoa sầu đông nở tím ô cửa sổ học trò của cô gái nhỏ, tôi ngồi hàng giờ ngắm những chùm hoa sầu đông rét mướt ủ ấp những cơn mộng đầu đời mong manh.
(Buổi Sáng Một Mình)

Câu văn của Bùi Bích Hà rất lành, rất hiền, dịu dàng, tha thiết, mang một chút buồn và thơ như những chùm hoa sầu đông nở tím những cửa sổ Huế ngày xưa. Tác giả không phải là một người thích làm dáng. Bà chân thực và thiết tha trong những suy nghĩ và bày tỏ của mình. Câu văn đẹp, ý tứ, và rất ít son phấn. Trong nhiều chỗ, chúng có cái đẹp của những lời văn trong sáng nhưng vẫn làm dậy lên một chút tình trong *Bướm Trắng* của Nhất Linh, và nhất là chúng có cái đẹp tươi tắn và trong sáng như những câu văn của những trang sách *Nắng Trong Vườn* và *Gió Đầu Mùa* của Thạch Lam. Hãy đọc những đoạn văn dưới đây trong hai truyện ngắn *Vẫn Còn Nắng* và *Buổi Sáng, Một Mình* của Bùi Bích Hà:

(...) Bây giờ trong khu vườn nhỏ, Bích đang đợi Tấn đưa thằng bé đến. Bầu trời trên đầu nàng đã xám ngoét nhưng khi một chú chim lượn qua chỗ Bích ngồi, nàng nhìn thấy chút mặt trời động ấm áp trên vùng lông bụng lấp lánh sáng của nó. Té ra không gian vẫn đựng đầy nắng.

(...) Trời hôm nay bớt mây, một chút nắng hanh hao nhóm trên đầu những ngọn lá dài theo bờ rào, gọi nhắc một điều gì mông lung, thăm lặng, chợt đến, chợt đi, chợt gần chợt xa, chợt quên, chợt nhớ.

Những câu văn của Bùi Bích Hà như thế. Chúng hiền

lành, chân thật, ấm áp và đáng yêu như chút mặt trời còn đọng lại trên vùng lông bụng lấp lánh sáng của con chim kia đang bay về tổ. Những câu văn của tác giả *Buổi Sáng Một Mình* thường cũng bay về tổ của chúng là những ý nghĩ mà tác giả muốn chia sẻ, trao gửi đến người đọc với một cung cách như thế. Nhưng không phải lúc nào văn phong của Bùi Bích Hà cũng vậy. Có nhiều khi, người đọc tinh ý thấy bà quẩn quại với những ý nghĩ và rung động của mình. Bùi Bích Hà là một con người rất nhạy cảm. Con người ấy hay sống cuộn vào trong để dò tìm và sờ mó vào những vết thương còn loang loáng những vệt máu tươi của chính mình. Một con người càng nhạy cảm với đời sống chừng nào thì càng dễ bị chảy máu chừng ấy. Và họ chấp nhận chảy máu—với một ý nghĩa nào đó—hơn là trơ ra, bất động và lãnh cảm với cuộc đời.

(...) Bích chợt có ý nghĩ chua chát, nàng với chồng giờ đây như những miếng ván phơi nắng gió lâu ngày, ở những mảnh đất khác nhau, nứt nẻ, cong queo, vênh váo, không còn thể nào ráp vào nhau cho liền lạc được nữa.

(Vẫn Còn Nắng)

(...) Tôi chợt mỉm cười vu vơ một mình, nhớ lại con đường dốc quanh vào đầu thị xã Đà Lạt với những dậu hoa bìm bịp vàng rực rỡ. Trong cái lạnh hanh hao, khô nẻ của Đà Lạt mùa Hè, màu sắc những đóa hoa bén sắc như những lưỡi dao nhọn, nhìn một lúc tưởng chừng máu rịn ra từ hai tròng mắt, từ các lỗ chân lông nở lớn mọc thành gai ốc khắp người. (Buổi Sáng Một Mình)

(...) Bàn tay Quyên mềm, ấm, bứt rứt trong tay Võ. Chàng nghe được cả từng cơn xúc động đè nén ở những ngón tay co duỗi từng chập của Quyên. Chàng nghe được cả tiếng những đường gân máu đập khắc khoải trên lưng bàn tay Quyên, mơ hồ, dai dẳng, như đời sống của nàng.

(...) Quyên thích biển vì biển là sự bền bỉ không gì có thể làm đổi thay, vì biển là vết thương ghê gớm của mặt đất và thiên nhiên, vì tiếng sóng đón đau, vật vã của nó vỗ về nỗi đau vật vã trong lòng Quyên, như một người bạn đồng hành thủy chung. (...) Nhiều lúc tiếng cười Võ chỉ còn là tiếng những mảnh vỏ chai cắt vào nhau trong một xô động rướm máu. (...) Tiếng Quyên thì thầm gọi Võ trong nhịp đập hỗn hển của trái tim nàng giống như một trái cây chín long ra khỏi cái cuống đã mồm.

Thật ra, đời sống là sự giả dối lớn nhất. Bản chất của sự sống, dù thế nào, luôn luôn bị lấp liếm, vùi chôn bên dưới cái lớp sơn sạch sẽ, lịch sự phủ bọc bên ngoài. Muốn nhìn thấy nó, cầm nắm được nó thì phải cào xước cho hết lớp sơn chai lì ấy, phải chảy máu cả mười đầu ngón tay, phải chảy máu cả đôi tròng mắt. Để có thể ôm lấy sự thật thắm kín, người ta phải ôm cả vết thương tanh tưởi của chính mình.

(Cuộc Hẹn)

Nhân vật chính của Bùi Bích Hà là cái bóng một mình, cắt vào những buổi sáng sớm, những chiều chạng vạng và những đêm thâm sâu kín của đời sống riêng mình một cõi. Cái thế giới nội tâm ấy đã được xây dựng như thế nào, những chia lìa ngăn cách nào đã đổ cái bóng

âm u và buồn thảm của nó xuống đời sống của nhân vật bà, những mai lên và những chiều xuống nào đã thả cái âm thanh ưu trầm và mệt mỏi của chúng trên trái tim của nhân vật kia, cái không gian sâu thẳm và những hồi chuông buồn bã nào đã đọng đưa hình bóng và những tiếng kính côồng rơi rụng trong tâm hồn của nhân vật ấy?

Cuốn sách của Bùi Bích Hà, nhìn chung, đưa ra một cái nhìn buồn bã vào đời sống. Nó như một tiếng chào nhỏ nhẹ và dậm buồn của một người đã nhìn thấy nhiều quá những thương đau, cùng khốn trong đời. Như lời của nhân vật chính trong lá thư đầu tiên của tập truyện, *“Đối với em bây giờ, trong những điều kiện em hiện có, sự sống và sự chết giống nhau, đôi khi sự chết còn xứng đáng với lòng cảm thương và sự tha thứ của bạn bè hơn.”* Đời sống, đối với đa số các nhân vật của Bùi Bích Hà, nhiều khi giống như *“một trái cây chín long ra khỏi cái cuống đã mồm.”* Nhưng, trên tất cả, trên cái nền buồn bã kia, trên những âm thanh kính côồng của những buổi sáng buổi chiều lâm chung kia, Bùi Bích Hà đã cho người đọc thấy được những ý nghĩa thiết tha và sâu thẳm của đời. Và nếu người đọc có một đời sống nội tâm vững chãi, một mắt nhìn tinh tế vào những vùng tối sẫm màu của đời sống ấy, có thể họ sẽ nhìn ra những tia sáng lóe lên đâu đó trong cái cuộc lữ nhiều mệt mỏi này.

Như tác giả đã nhìn ra được chút ánh sáng còn đọng lại ấm áp và lóng lánh trên bụng một con chim vỗ cánh bay về tổ trong bóng chiều đang ngả màu, người đọc cũng

có thể bắt được những tia sáng đẹp dễ ấy trong suốt tác phẩm của Bùi Bích Hà. Những ánh sáng của lòng tử tế, của sự cảm thông, của những cái đẹp không hề tắt dù cho chúng đã chìm vào dĩ vãng.

Chưa được in thành sách, nhưng những bài tùy bút Bùi Bích Hà viết về Huế và viết cho Huế đã là một phần đẹp, thơ và thiết tha của những ánh sáng không hề tắt ấy trong đời sống của bà. Bài *Huế Yêu Dấu* là một trong những bài văn viết về Huế thật đẹp và cảm động mà tôi đã được đọc, chẳng hạn như bài của Nguyễn Xuân Hoàng. Trong văn chương của Nguyễn Xuân Hoàng, cái đẹp của Huế nghiêng nhiều về phía trù tượng và gợi tả. Còn trong văn của Bùi Bích Hà, Huế đẹp một cái đẹp hết sức đời thường, có thể sờ mó được, có thể dầm mình vào được. Người ta có thể nhìn thấy Huế mềm mại và rục rĩ trong mắt nhìn long lanh và chứa chan của những con người đã sống và lớn lên ở đó. Những sáng mùa Hè, những ngày mùa Đông, tiếng bồ câu gù trên cái hồ nước, *“hoa khế, hoa chanh, hoa cam, hoa nhãn, lấm tấm lợp lên màu xanh già của lá, trông vui như một hội đèn”*, những quả chín trong vườn, những *“quả ổi xiêm ruột đỏ như son, cắn vào răng nghe mùi thơm nức lên tận óc”*, những quả khế ngọt, những *“trái lựu với những hạt nhỏ màu tím thẫm, trong veo như một chuỗi đá quý, vừa chua, vừa ngọt, vừa dòn dòn, nhâm nhi nghe vị thơm thắm dần trên đầu lưỡi như một thứ vị thần tiên”*... Huế của Bùi Bích Hà còn là những *“tiếng ve sầu đồng loạt vang lên inh ỏi từ những cây vải trượng, từ những cây nhãn lồng chi chít mo cau”*, chiếc thuyền thuê bao để đi tránh nắng trên sông Hương. *“Lòng thuyền trải chiếu*

hoa cạp điều, có những cái gối bằng nhiều ngũ sắc. Mũi thuyền treo một chiếc đèn lồng, bóng hắt xuống mặt sông như một cây nến màu khổng lồ.”

Huế của tác giả còn là những ngày mùa Đông. “Mưa dai dẳng, mưa rả rích, mưa bay nghiêng, mưa rát mặt, mưa như cầm chĩnh đổ. (...) Con gái Huế lội nước đến trường, quần xắn khỏi gối, gót chân hồng trên những chiếc guốc vông màu trắng. (...) Tiếng chuông thu không từ ngôi chùa bên kia cánh đồng nghe nhão nhoẹt vì không gian đã đọng đầy hơi nước.” Còn nữa, với Bùi Bích Hà, Huế còn là tình yêu, cô thiếu nữ vườn Thanh, nhớ người ở xa, “sẽ mãi ôm vết thương êm ái đi suốt cuộc đời.” Huế còn là các món ăn. Và Huế là dòng sông Hương mộng mơ, lơ lửng.

(...) Nhìn từ trên xuống, nước sông Hương xanh như ngọc. Thế nhưng cô gái đi quay nước, xắn cao đôi ống quần, lội xuống ven dòng thì nước ở chỗ cô đứng vỡ ra, trắng ngần như bạc vụn. Buổi sớm mai, đi trên cầu Trường Tiền nhìn ngược lên phía cầu Bạch Hổ, nước chảy qua Thương Bạc xanh lam màu khói mỏng. Một chút mặt trời lên, gió lao xao, nước đùa vui khẽ xô vào nhau, óng ánh như cả một vạt sao rơi.”

(Tiếng Sông Hương)

Nhưng, ngoài những nét đẹp nét thơ làm cho người xa Huế mãi còn lưu luyến ấy, Huế còn là sự nghèo khổ, khốn cùng, là sự hy sinh của những người đàn bà lo lắng cho chồng con. Huế còn là hình ảnh của những cái rổ chợ, “những cái rổ chợ nằm phơi những cái đùm nhỏ

xíu bằng lá chuối khô hoặc tươi, gói chừa ba góc như đám củ ấu.”

(...) Trong cái rổ chợ họa hoằn lắm mới có một miếng thịt heo mỏng tanh dài bằng nửa bàn tay, chỗ nạc tươi ửng màu hồng đào trên nền miếng bì trắng nhể nhại ôm khít vào miếng mỡ trong veo; kỳ dư thường chỉ có một dúm cá cần bé lặn tăn, màu óng ánh ngũ sắc, mấy con hến còn ngậm miệng thoang thoảng mùi rong tanh, mớ khuyết tươi lốm đốm những cái chấm mắt đen bao giờ cũng khiến tôi lặng nhìn và nghĩ ngợi vẩn vơ về những vùng biển xa. Đôi khi rổ chợ cũng có mớ rau muống, nắm đọt khoai, bẹ dưa nưa, miếng thơm chưa vạt bỏ... Thực phẩm cho ba bữa cơm chỉ quanh đi quẩn lại ngần ấy thứ. Mọi đồ gia vị đều gói trong những cái bồ dài lá chuối: tí mỡ, tí hạt tiêu, tí ớt bột, tí mắm ruốc, miếng đường đen, tí tỏi, cả nước mắm. Không còn cái gì để qua ngày mai hay bữa chợ sau.” (Những cái rổ chợ xứ Huế)

Quê hương là những vệt sáng đẹp tươi không hề tắt trong lòng tác giả giữa cõi đời ức nhiều lúc tối ảm đạm cái màu nhạt nhòa buồn thảm của đời sống hiện tại. Đó là hạnh phúc của Bùi Bích Hà, và từ đó, cũng là những hạnh phúc của chính chúng ta. Bà đã đem tấm lòng tha thiết với những kỷ niệm vừa buồn vừa đẹp vừa hạnh phúc vừa xót xa ấy để chia sẻ với người đọc. Và trái tim ta như một cái bếp bao ngày nguội lạnh vì những mưa gió của đời, bỗng nhiên, như bắt được vào một đóm than hôi hổi. Nó bùng cháy. Và hơi ấm tỏa ra. Những tia sáng ấm áp và hạnh phúc lại reo mừng lách tách trong tim.

Để kết và để nhắc lại, Bùi Bích Hà là cái bóng một mình, cắt vào những buổi sớm mai, những chiều chạng vạng và những đêm tối dằng dặc cái nỗi niềm quạnh không của đời sống. Nhưng đâu đó, trong cái lặng lẽ một mình kia, những tia sáng của đời sống, của sự cảm thông, của lòng tử tế, của nỗi thiết tha vẫn âm thầm cháy nóng. Và ngọn lửa chất chiu của những hình ảnh thân ái quê hương mà bà vẫn còn cất giữ được trong trái tim sâu lắng và đầy niềm hoài cảm thiết tha kia vẫn như những tiếng reo lách tách của những niềm hy vọng và thiết tha không chịu nhắm mắt. Những tia sáng ấy vẫn cháy ran và gọi về những hạnh phúc trong cái thế giới lặng lẽ, một mình của tác giả.

Giữa những ồn ào và náo động của đời sống, trong cái yên lặng thầm kín và một mình của riêng bà, tôi tin là Bùi Bích Hà có hạnh phúc.

Và những người đến với bà cũng có một niềm hạnh phúc thiết tha như thế.

BÙI BÍCH HÀ: PHIM ẢNH & ĐỜI SỐNG



Brochure Viet Film Fest 2016

Lời giới thiệu:

Từ vài năm nay chúng tôi, chị Bùi Bích Hà và tôi, hẹn gặp nhau mỗi tháng Mười để cùng đi dự đại hội Viet Film Fest ở Quận Cam, Nam Cali. Trừ năm ngoái 2020 vì đại dịch Covid-19. Năm nay, tình hình đại dịch đã phần nào ổn định. Dù vậy, ban tổ chức cho biết sẽ tổ chức trình chiếu phần lớn online, song có thể có một đôi buổi chiếu phim diễn ra tại một rạp hát ngoài trời drive-in. Tôi

tưởng tượng niềm thích thú của chị khi được tham dự một cuộc trình chiếu như vậy. Xem phim tại rạp hát drive-in đã trở thành quá khứ trong lịch sử giải trí của dân Mỹ khi chúng tôi tới định cư tại đây. Song sẽ là một kinh nghiệm mới mẻ nếu giờ được trải nghiệm. Tiếc là việc đó sẽ không diễn ra với chúng tôi nếu VFF năm nay sẽ thực hiện trình chiếu ngoài trời.

Chị đã ra đi vĩnh viễn, bỏ lại niềm thương tiếc ngậm ngùi cho nhiều người. Với riêng tôi là một cái hẹn sẽ không còn bao giờ thực hiện được nữa, đó là cùng nhau đi xem Hội Phim Việt mỗi mùa xuân hoặc thu, để rồi sau đó thảo luận rôm rã về những chuyện nghệ thuật và đời sống của người Việt khắp nơi mà hàng chục phim được trình chiếu tại VFF mang lại cho giới thưởng ngoạn.

*Bài dưới đây của chị viết về Hội Phim Việt năm 2016, nói lên cái nhìn sâu sắc song phóng khoáng của chị về một số phim trình chiếu trong năm này, đặc biệt về phim tài liệu "Finding Phong" của đạo diễn Trần Phương Thảo và Swann Dubus, dài 92 phút, thực hiện năm 2015 và đã được nhiều giải thưởng, và được khán giả VFF chọn là phim tài liệu hay nhất trong năm. -- **Trùng Dương***

Việt Film Fest 2016 được tổ chức tại rạp AMC Orange 30, trong khu mua sắm The Outlets of Orange, tên cũ quen thuộc hơn với mọi người là The Block, bên lề xa lộ 22, vào các ngày 14, 15, 16 và 17 tháng 4.

Đây là một sinh hoạt văn hóa/nghệ thuật rất đáng yêu và đáng được khuyến khích do hội Nghệ thuật Việt Mỹ VAALA thực hiện hơn một thập niên qua, nhằm mục đích giới thiệu các nhà làm phim chuyên nghiệp cũng như tài tử, từ mọi cộng đồng trên thế giới, nối kết họ thông qua tinh thần hòa nhập văn hóa nghệ thuật của Việt Nam.

VAALA do cô Lê Đình Y Sa, ái nữ cố nhà báo Lê Đình Diểu, làm giám đốc điều hành. Từ ngày đầu bở ngỡ năm 2003, nay VFF đã kiện toàn một cách rất đáng khen về mặt tổ chức, thu hút đông đảo giới trẻ đồng thời với giới cao niên, cho thấy mục tiêu của hội đáp ứng được nhu cầu giải trí và mở rộng kiến thức của số đông khán giả thuộc nhiều sắc tộc nói chung, của cộng đồng người Việt nói riêng. Giá vé vào cửa là \$12 mỹ kim. Sinh viên với ID và khán giả từ 60 tuổi trở lên \$10 mỹ kim. Có giá đặc biệt cho từng nhóm.

Ngoài phần đóng góp tài chánh nhỏ nhoi từ khán giả, Việt Film Fest giữ được sinh hoạt nhiều màu sắc này qua hơn một thập niên và không ngừng phát triển là nhờ vào khả năng vận động mạnh thường quân bảo trợ lâu dài của các thành viên VAALA.

Tôi rất tiếc đã không có thì giờ để tham dự đầy đủ các

buổi chiếu như lòng mong muốn. Tuy nhiên được xem 2 phim truyện dài, 1 trong đêm khai mạc, *Bitcoin Heist* (Siêu Trộm) của đạo diễn Hàm Trần và 1 trong đêm Thứ Sáu tiếp theo, *Crush the Skull* (Đập Vỡ Sọ) của Việt Nguyễn, cảm tưởng chung của tôi là hai đạo diễn xuất sắc của chúng ta, Hàm Trần và Việt Nguyễn đang thực sự tìm cách định hình tài năng của họ trong khuynh hướng làm phim dòng chính. Họ dùng nhiều kỹ xảo điện ảnh, gồm cả tốc độ và âm thanh nhân tạo, khai thác cảm xúc mạnh thông qua các chủ đề thời đại được phong phú hóa bằng óc tưởng tượng vượt mọi biên giới bình thường, khả năng làm chủ các phương tiện và tình huống ấy hơn là khám phá thế giới nội tâm của con người, các vấn đề xã hội đang chi phối cuộc sống thực tế của người dân trong và ngoài nước hiện nay.

Nội tâm Việt Nam thì khoảng cách thời gian/thế hệ đã làm cho lạ mặt, không quen, những trải nghiệm đọc được đó đây trên sách vở, tài liệu, đã cũ mòn, không hấp dẫn, hết còn là động cơ mời gọi sáng tạo; ngoại quốc thì họ chưa thực sự thẩm nhập 100%, chưa nói tới bản sắc vẫn là yếu tố ngăn trở lớn. Trước hiện tình tiến hóa chậm như rùa của người Việt trong và ngoài nước, các đạo diễn trẻ tài năng của chúng ta được Hollywood chấp cánh bay xa, cảm thấy có nhu cầu phải đi tìm những đường bay phỉ sức họ, cho họ những cơ hội thử thách toát mồ hôi trên thước đo mực của Hollywood.

Cá nhân tôi thành thực khen ngợi, ngưỡng mộ, thông cảm những thôi thúc thể hiện mình bất luận cách nào

của họ, chúc họ luôn may mắn và thành công tuy từ đáy lòng, tôi vẫn nhớ mãi câu nói của Boileau thời đi học: “Cái gì biết rõ thì thể hiện rõ,” tạm dịch câu “Ce qui se concoit bien, s'énonce clairement.” Hiểu rõ, may ra chỉ hiểu chính mình. Tôi vẫn tin rằng hiểu chính mình hay nói về những vấn đề của chính mình bao giờ cũng có sức thu hút, thuyết phục bởi vì nó xuất phát từ hơi thở, từ nhịp tim, mang trong nó sức sống tươi mới, luôn quyến rũ và làm rung động lòng người.

Giải thưởng VFF 2016 do bầu chọn của Ban Giám Khảo VFF và của khán giả cho thấy nhận định của riêng tôi cũng không xa lắm với quan điểm của đại hội và của giới thưởng ngoạn.

Năm nay, phim đoạt giải Trống Đồng của đại hội thuộc về đạo diễn Victor Vũ với *Tôi Thấy Hoa Vàng Trên Cỏ Xanh*, dài 111 phút. Cảnh trí, nhân vật, là của làng quê Việt Nam êm đềm khoảng năm 1989, với tuổi thơ sau lũy tre còn ôm giữ huyền thoại, với tuổi mới lớn chớm biết thẹn thùng nhớ nhung, với những ngày đến trường để học hành nhưng cũng để có không gian ấp ủ những giấc mơ và cũng để biết những bài học bị hiếp đáp đầu đời.

Phải nói là đạo diễn Victor Vũ có biệt tài khơi dậy, làm sống lại hình ảnh những cậu bé sớm có “tâm sự” riêng, lớn lên với những vui buồn trong cái thế giới hồn nhiên, trong trẻo cho phép các cậu vẽ vờ, phiêu du tùy thích. Cái thế giới thần tiên ấy nhiều người lớn đi qua tuổi các cậu, có khi không có, không biết tới. Vì vậy, khi đạo diễn Victor Vũ hé lá màn che, mời khán giả bước vào, họ òa

vui nhận ra một chút gì của chính họ nơi những cậu bé/cô bé này, một thời tưởng chừng chưa xa lắm. Ai không giấu trong lòng một tuổi thơ đáng nhớ, đã sống hay chưa sống hết, để muốn quay về, tìm lại? Những thước phim đẹp, chọn lọc, con trai dép nhựa, quần đùi, con gái áo tay phồng, tóc cắt bôm bê đi giữa một thiên nhiên ruộng đồng hiền hòa, tươi thắm, chẳng phải là nơi chốn tìm về của những người lữ hành đã đi gần hết vòng quay náo nhiệt của đời mình sao?

Cuốn phim ngắn 11 phút, tựa đề *Nhà Đối Diện* của đạo diễn Lê Mỹ Cường, mô tả cuộc sống của hai thanh niên đồng tính sống với nhau như một đôi vợ chồng dưới mắt nhìn từ nghi ngờ đến chấp nhận của một hàng xóm sinh hoạt thân cận, gần gũi bên nhau, cho thấy người trong nước giờ đây cởi mở hay coi nhẹ hiện tượng này hơn hải ngoại có thể nghĩ. Lý do có nhiều. Vì sinh kế lấy hết thời giờ và sự quan tâm của mọi người, ai muốn sống cách nào tùy thích. Vì sự phá sản niềm tin sau biến cố 30 tháng 4, 1975 kéo theo sự suy sụp các giá trị tinh thần khiến không ai còn muốn giữ lại gì nữa. Vì cái gốc văn hóa ăn theo thuở ở theo thời vẫn ứng dụng từ ngàn xưa khi nhu cầu sống còn chiếm vị thế ưu tiên... Hai nhân vật chính Phát và Khang thoả mái kể lại cuộc tình của họ, cũng hết như mọi đôi lứa không cùng phái tính: gặp gỡ, bị thu hút vì thấy ở người kia một cái gì phù hợp, đồng ý chung sống vì thích nhau và cần nhau. Cả hai cùng có nghề nghiệp, công việc để sinh nhai, xây dựng tổ ấm. Lúc đầu, hàng xóm có người thấy kỳ kỳ, xì xào hỏi nhau mỗi buổi sáng khi nhìn theo hai cậu vi vút đèo nhau đi làm, buổi chiều họ về, *We are Coming Home*,

chợ búa cơm nước như mọi nhà lân cận. Lâu dần cả xóm quen mắt và mọi người vui lòng chung sống hòa bình trong khu phố nhỏ.

Nhà Đối Diện chỉ là khúc nhạc mở đầu cho cuốn phim tài liệu dài 92 phút, tựa đề Finding Phong, của hai đạo diễn Trần Phương Thảo và Swann Dubus, kể lại cuộc hành trình dài hơn một năm trời của nhân vật tên Phong, sinh ra là con trai nhưng lại khao khát được ở trong một hình hài con gái. Câu chuyện xảy ra trong một gia đình quê ở xứ Quảng, trong trí nhớ tôi vốn là một địa danh theo khẩu truyền, chó ăn đá gà ăn muối, cuộc sống chật vật khó khăn. Phong ra Hà Nội kiếm việc làm, mỗi năm về thăm nhà một lần. Cha mẹ Phong đều già, ông bố ngoài 80, bà mẹ ngoài 70. Các anh chị của Phong đều đã trưởng thành và có cơ ngơi riêng. Khi biết mình có vấn đề về căn tính, Phong âm thầm đau khổ. Anh rất thương yêu cha mẹ và các anh chị nên trăn trở khôn nguôi, không biết nên giải bày thế nào? Sau cùng, anh quyết định thực hiện ước mơ lấy lại ngoại hình thật sự là một thiếu nữ theo cảm nhận của riêng anh. Anh bay qua Thái Lan để gặp bác sĩ chuyên khoa. Anh được cho uống kích thích tố nữ và được cho xem video cuộc giải phẫu chuyển giống. Anh được thuyết trình về cảm giác hậu phẫu cực kỳ đau đớn nhằm giúp anh chuẩn bị tinh thần. Trên chuyến bay trở lại Việt Nam, anh vừa lo sợ vừa hân hoan thấy ngày trọng đại gần kề. Anh về thăm nhà lần cuối trong vóc vạc đưa con trai cha mẹ sanh ra đã bắt đầu có những thay đổi: nhũ hoa phát triển, da dẻ mịn màng, tóc mượt hơn, tha thướt trong áo cánh mỏng ra vườn hái trứng cá ăn. Anh

có chút băn khoăn nghĩ tới việc anh sắp sửa phứt bỏ tấm hình hài cha mẹ cho với niềm hân hoan khi anh chào đời. Thế nhưng trên hết, anh may mắn có một gia đình hiểu biết, hỗ trợ anh tối đa. Anh khoe mẹ hai gò ngực mới. Bà mẹ quê bình thản nói với con bà không muốn anh là ai khác nhưng chỉ mong anh đổi ý chứ không ngăn cản anh. Ông bố già râu tóc phơ phơ trả lời người hỏi: *“Chuyện này vẫn có từ xưa song thời đó kỹ thuật và y tế còn thô sơ nên người ta đành phải chấp nhận, không thay đổi được. Bây giờ văn minh tân tiến hơn, cho phép người ta thực hiện sự chọn lựa của mỗi người nên tại sao không? Đối với tôi, Phong là con trai hay con gái mặc dầu, nó vẫn là con của tôi.”*

Câu trả lời minh bạch, phong cách xử sự của ông bố già xứ Quảng ngoài 80 tuổi cả ngày xách nước tưới rau làm tôi kinh ngạc. Ngày hẹn tới, Phong đi Thái Lan để được giải phẫu chuyển giống, có anh và chị tháp tùng. Kết quả tốt đẹp như mong đợi. Tuy mừng vui thấy em toại nguyện, ông anh thở phào, cười cười nói: Chưa quen, vẫn thấy sao sao. Bà chị hãnh diện: Có vui thiệt nhưng cũng thấy như mất đứa em trai mặc dầu có lại đứa em gái. Phong bình phục, hoàn toàn là một thiếu nữ xinh đẹp. Trở về Hà Nội, “cô” Phong tiếp tục được nhà hát múa nước thuê dụng để làm công việc hóa trang những con rối, như cũ.

Câu chuyện của anh Phong đến đây chấm dứt. Cầu chúc cô Phong vững tiến trên hành trình mới, luôn may mắn và hạnh phúc. Riêng tôi còn đôi chút thắc mắc do méo mó nghề nghiệp, xin được chia sẻ.

1. Người dân xứ Quảng ở típ tấp miền Trung Việt Nam, nhờ vào đâu, nguồn thông tin nào mà sớm bắt kịp trào lưu thế giới bên ngoài để biết vấn đề giới tính giờ đây không còn cấm kỵ nữa, để có thể có tư duy cởi mở và dễ dàng chấp nhận một thực tế xóa sạch văn hóa truyền thống bao đời như thế? Cùng với tiếp nhận này, còn tiếp nhận nào khác nữa không? Về những giá trị làm người như tự do, dân chủ và nhân phẩm chẳng hạn? Tìm được con người thật của Phong về căn tính rồi, còn con người nào khác bên trong Phong cần được trả lại cho số đông anh Phong khác nữa không? Tháng 11 năm 2015, quốc hội đã làm luật công nhận quyền chuyển giới tính của người dân, bao giờ công nhận những đòi hỏi quan trọng không kém của người dân về những quyền sống căn bản khác?

2. Phim *Finding Phong* được giải khán giả bầu chọn là do phiếu đánh giá của người xem. Những phiếu ấy không từ Trời rơi xuống, càng không từ những ngôi nhà dân chúng gió thổi bay về đại hội mà do con số các bạn đồng tính đến rạp xem phim và quyết tâm đoạt giải. Bằng cách này, các bạn cất lên tiếng nói đòi công bằng và bảo vệ phẩm giá, đánh động quần chúng về sự hiện diện bình đẳng của các bạn dưới ánh mặt trời và trong xã hội. Bài học của các bạn cũng là bài học cho tất cả mọi ai khi thực sự tin vào một điều gì, cần một điều gì thì không phải ngồi yên đấy mà hãy đến với nhau vì nghĩa khí và lòng công chính, hãy kết đoàn đưa tay lên, hãy cất cao tiếng, hãy tranh đấu giành lấy với tất cả ý chí và trái tim mình.



Trái, bích chương tiếng Việt phim “*Đi Tìm Phong*” (2016) trình chiếu tại Đại hội Phim Việt/Viet Film Fest 2016.

Dưới, tác giả Bùi Bích Hà (phải) và Trùng Dương tại buổi trình chiếu phim tài liệu trên. (Ảnh TD2016)



BÙI BÍCH HÀ: MÙI CÀ PHÊ CỦA BỐ

Tôi có một tuổi thơ buồn. Rất buồn. Nhưng tôi cũng có một tuổi thơ đẹp. Rất đẹp. Không giống những đứa trẻ khác, tôi có tới bốn bà mẹ. Tất nhiên tôi cũng có một ông bố, và may mắn chỉ có một ông bố thôi. Sau này khôn lớn, bản thân trải nghiệm nhiều cảnh ngộ, tôi biết ơn mẹ ruột tôi vì sự hy sinh vô bờ bến của bà để tôi có được ơn phước này. Mẹ kể bà sinh tôi rất dễ, gần như đẻ rơi tôi bên cạnh hòn đá lớn để chặn cửa cho cửa không bị gió sập vào trong mùa đông mưa gió đầy trời ở Huế. Mẹ không đau đón khi cho tôi ra đời nhưng mẹ đau đón nuôi tôi từ lọt lòng cho đến khi mẹ nhắm mắt ngủ giấc sau cùng.

Tôi đã nhiều lần viết về mẹ, viết cho mẹ mỗi khi tôi nhớ bà. Những khi nhớ mà không viết, tôi ngồi khóc một mình. Những ngày cuối năm như buổi chiều sắp tàn, khiến chim nhớ tổ tìm về. Người tha hương không được như chim, đành khép đôi cánh mỏi, tạm dừng chân trên cành lạc loài chờ bình minh hôm sau và nhiều hôm sau nữa. Nói như nhạc sĩ Vũ Thành An, lâu rồi đời người cũng qua.

Xuân đến, xuân đi, xuân bất tận. Mùa Xuân trong trời đất mãi thanh tân, nguyên vẹn từng ngày, không bao giờ tàn, không bao giờ thật hết. Con người, trái lại, thu đông từng mùa rơi rụng, không được như thiên nhiên trên dòng vô tận. Chẳng có mùa Xuân nào thực sự ấm áp và trong trẻo trong lòng người tha phương. Những lời sau đây, tôi muốn viết về Cha. Nhất là trong thời tiết nước Mỹ vừa vào thu se lạnh mấy hôm nay.

Tôi không được gần cha nhiều, theo cái nghĩa là được có cơ hội gần gũi, chuyện trò, được ông hỏi han, săn sóc, dạy dỗ. Tôi chỉ thỉnh thoảng thấy ông trong những ngôi nhà rộng gia đình từng sống qua, biết ông là bố của tôi, thế thôi. Dầu sao, thời bé dại, tôi cũng có vài khoảng thời gian, không nhiều, được thấy ông ở nhà lâu hơn. Đó là những ngày sau Tết và những ngày mùa hè khi tôi lên sáu hay lên bảy, không ở ngôi nhà số 72 Gia Hội mà ở ngôi nhà nghỉ mát bố tôi tự trông nom cho thợ xây cất trên đỉnh một ngọn đồi trong rừng núi Bạch Mã.

Ngày xa xưa ấy, phương tiện di chuyển từ Huế lên Bạch Mã của bố tôi là ô tô, anh Phúc là tài xế riêng của ông, thường đưa ông xuôi ngược quốc lộ 1 từ Trung ra Bắc rồi lại từ Bắc vào Trung, ghé qua nhiều khu mỏ, đồn điền và nhà máy rải rác từ Cửa Rào, Quảng Ninh, Hòn Gai, Cẩm Phả, qua Vinh, Tour Cham, vào tới Quảng Bình, Quảng Nam, Vĩnh Điện, Nam Ô rồi dừng lại ở Huế. Trí nhớ trẻ con của tôi chỉ ghi nhận được có bấy nhiêu. Hiệp định Genève cắt đôi đất nước, tất cả tài sản của bố tôi mất theo phần lãnh thổ bắc vĩ tuyến 17. Gia cảnh khánh tận chỉ trong một cái chớp mắt, bố tôi bước vào

tuổi già lẽ ra được an hưởng thành quả thời tuổi trẻ thì không còn gì, kể cả sức khỏe để có thể gây dựng lại. Anh em tôi đôi khi thì thầm: “Giá bố đi xa hơn một tí vào Nam thì bây giờ chúng mình vẫn còn của phụ ấm nhỉ?”

Tôi nhớ có một lần trong mùa hè, bố tôi thu xếp lên Bạch Mã nghỉ ngơi. Như thường lệ, tôi thường được theo xe bố đi cùng. Chị Nụ có bốn phận làm va li cho Mẹ trẻ tôi và anh tôi nhưng phần tôi, khi có lệnh của bố, thì mẹ ruột tôi phải gói ghém mọi thứ cho tôi để tôi ôm lấy, tự mang theo. Lần đó, chắc bố tôi bận gì nên xe chạy mà không có tôi. Lên tới Bạch Mã, qua hôm sau bố tôi mới nhớ là đã bỏ quên tôi ở nhà. Ông nhắn về, bảo mẹ tôi đem tôi ra gara ông Nghè, gửi tôi lên bằng xe đồ của ông Nghè.

Như mọi khi mẹ tôi gửi hoa quả, trái cây hay các vật dụng khác theo xe đồ của gara ông Nghè lên Bạch Mã, xế trưa ngày hôm ấy, tài xế bỏ tôi xuống ngay dưới chân đồi. Tôi vừa leo vừa đếm đúng 125 bậc thang bằng đất nện để lên tới cổng. Giống như ngôi nhà nghỉ hưu của bố tôi ở Tả Duệ, nhà Bạch Mã cũng mở ra với khu vườn hình tay ngai trồng nhiều loại hoa. Tôi thích nhất và nhớ nhất những cụm hoa violette thấp lè tè, tôi phải ngồi xổm mới ngắt được cái cuống hoa nhỏ xíu của nó e lệ nấp dưới đám lá xanh để đưa hoa lên mũi, hít những hơi dài mùi thơm nhẹ mà say của nó. Hoa violette màu tím thẫm, hương dịu dặt, nở kín đáo nên trông nó sang trọng hơn đám hoa me sum suê, nở tênh hênh đầu gió. Thỉnh thoảng, tôi cũng ngắt mấy cái cọng hoa me mềm oặt, không để thưởng thức hương mà để

nhấm nháp vị chua chua của chúng qua kẽ răng.

Thú vui của tôi với cháu Ki, gọi tôi bằng dì nhưng chúng tôi sàn sàn tuổi nhau, là chơi trốn tìm quanh những bụi tú cầu, hoa lá rậm rạp, cao hơn chúng tôi và to lắm, phải mấy người lớn mới ôm xuể. Những khi chỉ có một mình, tôi hay la cà với những cây hoa mộc. Tôi thích màu trắng xanh của những cánh hoa tí hon lẫn vào thân nhánh, mùi thơm nồng nàn nhưng không hắc. Mẹ tôi thường hái hoa mộc và hoa sói, để riêng chúng vào những cái rổ con để ướp trà cho bố tôi uống.

Vườn hoa của bố tôi có cả dâu. Những quả dâu từ xanh đến chín đỏ hay được tôi hái thăm. Tôi thích nhìn chúng mướt mát, lớn như thối nhưng tôi không hái. Chỉ hôm nào mẹ tôi từ Huế lên, bà hái đem vào bếp làm món tráng miệng cho cả nhà thì tôi được mẹ nhón cho một nửa quả đã ngâm đường và rượu rhum. Hình như mùi thơm mát của dâu tươi lẫn với mùi thơm gắt của rượu lên men làm thành cái vị ngọt đắng dịu dàng khiến trẻ con như tôi ngày ấy, nếm thử một lần là nhớ mãi. Tuy vậy, tôi nhớ mẹ nhưng không nhớ dâu. Cả đời, tôi vẫn mãi không thích dâu.

Ngôi nhà của bố tôi ở Bạch Mã kiến trúc theo kiểu gì tôi không biết nhưng từ cổng nhìn vào, hai bên là hai cái tháp nhọn. Bố tôi ở bên cánh phải với mẹ trẻ tôi và anh tôi. Bên cánh trái dành cho cả nhà và họ hàng mỗi khi họ lên chơi núi. Hôm tôi một mình theo xe ông Nghè lên, tha thẩn ngoài vườn cả buổi chiều rồi ra nhìn suối thấp thoáng bên dưới, vểnh tai nghe tiếng nước rơi đều, nhẹ, róc rách quanh những phiến đá nhẵn, đủ to cho tôi nằm

nhìn trời mông lung trên cao những trưa hè có người lớn cùng xuống suối. Trong bóng chiều bảng lảng hôm ấy, đang vơ vẩn cùng hoa cỏ và tiếng chim ríu rít về tổ trong rừng cây quanh nhà, tôi bỗng cảm thấy hai mi mắt nóng bừng và người bải hoải. Tôi vào nhà, leo lên buồng ngủ ở tháp bên trái, gần suối. Như một con mèo hoang tiếng chân không làm ai kinh động. Cảm giác thương tâm của một đứa trẻ không biết trông cậy vào ai khi cần làm tôi khóc lạng lẽ một lúc rồi ngủ thiếp đi trên cái sàn gỗ trải nệm mờ mờ tối. Có lẽ đến giờ ăn cơm không thấy tôi, bố tôi mới cho người đi tìm.

Tôi được sờ đầu, được cho ăn cháo, được bố cho uống aspirine vì không ai biết mẹ tôi thường cho tôi uống thuốc gì để chữa cảm sốt. Chị bếp nghiêm nghị dặn tôi hôm sau không được dậy sớm, không được ra ngoài cho đến khi tôi khỏi ốm. Không biết có ai nhắn gọi gì không mà mẹ tôi lên ngay, mang theo rất nhiều nhãn từ vườn nhà ở Huế. Biết tôi thích nhãn, mẹ tôi cho riêng tôi một chùm lớn và dặn dò: “Em ăn dần thôi nhé, hết sốt, chị cho nữa.” Không biết nhờ gói Tiêu Ban Lộ, nhờ nhãn hay nhờ hơi áo mẹ, tôi khỏi ngay, lại được ăn cơm với món tôm càng kho tiêu mẹ làm rất ngon. Khôn lớn, tôi không bao giờ quên những con tôm càng mẹ mua tươi soi sỏi ở Cầu Hai, thịt tôm đỏ ong, chắc và thơm phức. Khi ăn, mẹ tôi thường cắt tôm thành từng khoanh nhỏ và dọn ra đĩa. Tôi được nhìn tự do nhưng ăn thì phải chờ người lớn gấp vào bát cho, không thỏa thích như anh tôi.

Ngoài mẹ già, mẹ trẻ, mẹ ruột, bà mẹ thứ tư của tôi là

mẹ thiên nhiên, ấp ủ phần hồn tôi qua suốt thơ ấu và thời niên thiếu. Mùa hè ở Bạch Mã là ký ức quý giá của tôi những ngày tháng qua nhanh ấy.

Những hôm có mẹ tôi từ Huế lên vì công việc, ngủ lại một tối để trưa hôm sau về theo xe ông Nghè, sáng sớm tôi được mẹ cho theo bà ra tiệm Chaffanjons cách nhà một quãng đường ngắn bên kia cái cầu bắc qua con suối dưới chân đồi. Tiệm Chaffanjons của người Pháp, chuyên bán thức ăn nguội, sữa tươi, đồ hộp, rượu, bánh kẹo và cà phê của Pháp. Họ có lò làm bánh mì nóng mỗi ngày. Ngoài baguette, họ làm những cái bánh mì vòng tròn màu nâu hồng, tôi thường xuyên vào hai cánh tay nhỏ xíu của tôi, nghe mùi bột nướng còn nóng thơm ngào ngạt tỏa ra từ vỏ bánh đặc biệt giòn mà không vỡ. Tôi được ăn “chay” nguyên một cái trên đường về lại nhà, tung tăng theo mẹ leo lên đúng 125 bậc thang đất, không bao giờ có thể quên hương vị những cái “bánh tây” ngon đến thế trong đời. Bố tôi thường điểm tâm bằng bánh mì với trứng ốp-la, jambon, pâté, fromage và cà phê sữa hộp. Có hôm, buổi sáng tôi lang thang vào phòng ăn không còn ai, chỉ còn cái khay thức ăn sáng của bố tôi người làm chưa kịp dọn.

Tôi tò mò nhìn những thứ còn sót lại. Tôi dí mũi vào cái tách men sứ trắng còn đọng ở đáy chút cà phê màu nâu nhạt, mùi thơm béo, ngọt, cảm thấy bị kích thích muốn nếm thử. Cà phê bố tôi uống ngày đó, lúc nhắc cái phin ra khỏi tách, màu cà phê nâu vàng ánh lên như màu rượu trước khi bố tôi dùng thìa nhẹ nhàng khuấy sữa đặc thành những vòng tròn làm cà phê đổi màu. Hương

vị chút cà phê ngào mà sao ngỗ như ấ, ngọt dịu dàng, thấm trên đầu lưỡi của đũa bé lên sáu, lên bảy là tôi ngày ấy, ở lại mãi với tôi cho đến tận bây giờ. Sau này, thỉnh thoảng có dịp uống cà phê, tôi thấy cà phê ở đâu cũng có hậu vị gắt và chát, có khi thoảng mùi khét của mẻ rang bị quá lửa, khiến tôi tự hỏi hay là tôi nhớ cà phê của một thời bé dại, ôm giữ nhiều kỷ niệm như gỗ cũ lên nước, bóng màu thời gian và gợi nhắc hơi hướm của cha mẹ tôi nay không còn nữa?

Ngoài quãng đường từ nhà đến tiệm Chaffanjons cùng mẹ đi về những buổi sáng mùa hè sương mù hay khói núi mờ mờ lan tỏa, trong túi áo lạnh có mấy con sâu đá cuộn tròn như hạt giẻ, tôi nhớ những buổi trưa trên đồi cao đầy nắng, mấy dì cháu lau hau rủ nhau xuống suối. Tôi không nghịch nước mà chọn một phiến đá đủ cho tôi nằm khểnh nhìn trời thấp thoáng qua những tàn cây rừng đan vào nhau thành vòm, xếp hàng hai bên ven suối, lắng nghe tiếng gió luồn qua những tầng lá rậm, tiếng chim hót, tiếng nước êm ả chảy dưới lòng khe trong veo, tất cả lẫn vào tiếng hò hét âm vang của lũ cháu vui đùa với nước trên đầu dốc. Cách tôi một khoảng, cháu Ch. ngồi cặm cúi đọc sách trên một phiến đá khác.

Sau này khôn lớn, cả hai dì cháu cùng theo nghề dạy học. Sau nhiều năm xa cách, gặp lại nhau tại hội đồng thi Tú Tài đặt tại trường Petrus Ky đầu thập niên 60, chúng tôi cùng ngậm ngùi nhớ lại những mùa hè và con suối Bạch Mã năm xưa, mắt Ch. trong vắt như nước suối ngày ấy.

Tôi cũng yêu những buổi tối đi ngủ có mẹ để rúc vào ngực áo mẹ tìm hơi ấm, cả những buổi tối nằm co ro một mình trong căn phòng trên gác tuyệt đối yên lặng, mắt mở thao láo nhìn mấy cái đà gỗ của cái trần nhà hình chóp nhọn sáng mờ mờ nhờ ánh đèn từ phòng bên cạnh, nghĩ vẩn vơ, tưởng tượng những trò chơi ngày hôm sau hoặc một trăm điều đọc dở dang trong cuốn sách tôi còn giấu trên cái hộp nước dọi cầu trong phòng vệ sinh của bố tôi ở Huế. Giấc ngủ nào của tôi cũng lao xao bắt đầu như thế để rồi chập khuya sẽ bị đánh thức vì tiếng hót thiết tha, buồn bã của những con chim từ quy gọi nhau đến khàn cả giọng, vang vọng từ đầu hôm đến sớm mai, qua rừng cây, qua khe núi, tìm bạn của nó ở phương trời nào khác có lẽ cũng đang gọi tìm nó. Không ai biết chúng nó có gặp được nhau trước khi trời rạng sáng hay không nhưng không ai còn nghe tiếng chim từ quy vào lúc hừng đông nữa.

Giờ đây, tôi chắc tiếng chim từ quy ở Bạch Mã vẫn mãi còn hàng đêm dai dẳng cất lên từ nửa khuya tới tinh sương để đi tìm hạnh phúc luôn là giấc mơ như giấc mơ của loài người, khiến tôi có lúc thấy mình giống như loài chim từ quy, đêm đêm vẫn nghe thao thức riêng mình tiếng gọi thầm những người thân yêu của một thời nay chỉ còn là kỷ niệm...

BÙI BÍCH HÀ: CHÀO ANH LẦN CUỐI

(Thương về Nguyễn Khoa Diệu Chi)

Cứ mỗi lần đi đến nhà quàn để làm nghi lễ vĩnh biệt một người thân, lòng tôi luôn có nỗi ân hận về một điều gì chưa kịp làm hoặc đã chệnh mảng không làm đối với người vừa nằm xuống. Rất nhiều lần cố tự nhủ đừng để xảy ra chuyện đáng tiếc này nữa nhưng vẫn đủ ngàn ấy lần thấy mình không tránh khỏi ăn năn, hối tiếc.

Anh Giác ngã bệnh đã lâu. Những ngày mới chớm biết tin xấu, sức khoẻ anh chưa sa sút bao nhiêu, tôi và Trần Mộng Tú tuy không nói ra, đều hiểu rằng thời gian còn lại của anh chắc không nhiều. Tôi còn nhớ như in một buổi chiều nắng đã nhạt, tôi dừng xe ở lề đường trước sân nhà anh. Cửa gara mở, anh đang cẩn thận bỏ từng cuốn Văn Học vào cái phong bì màu vàng, chuẩn bị gửi ra cho độc giả. Anh nói với một nụ cười chập chờn chút nghi ngại: “May quá! Hăng cho nghỉ hưu nên tôi đi khám sức khoẻ tổng quát mới biết mình nhuộm bệnh.” Sau đó, chúng tôi nói lảng sang chuyện khác. Phần tôi, làm như không có gì nghiêm trọng xảy ra cả để giấu những ý nghĩ bối rối riêng mình. Bây giờ nghĩ lại, tôi vẫn không biết thái độ của tôi lúc đó như thế có phải

phép không? Hay là nên ân cần hơn dù phải vượt qua cảm giác sợ làm cho những cuốn Văn Học nặng hơn trên tay anh?

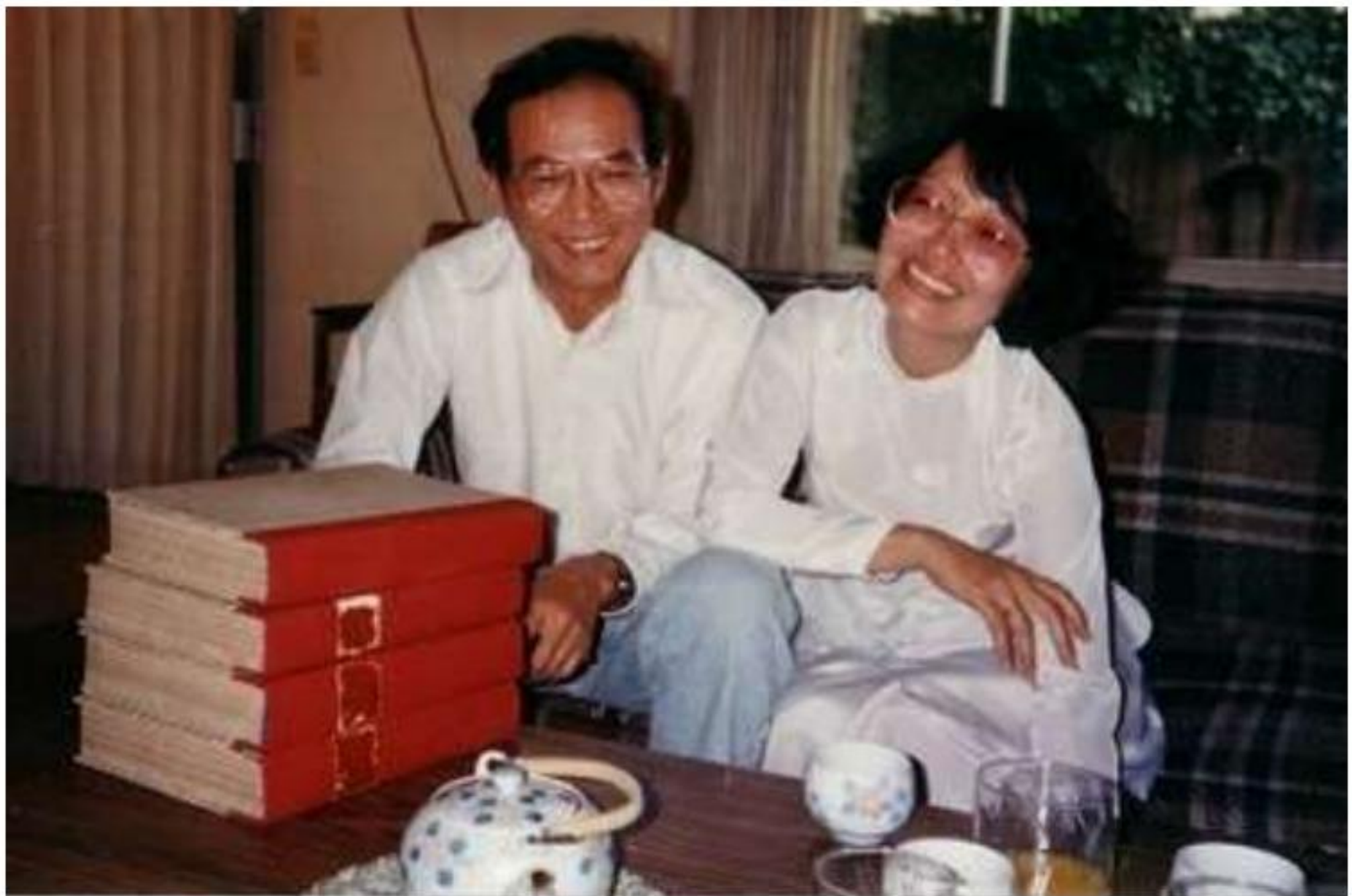
Tôi và Tú thường hỏi thăm sức khỏe của anh qua chị Chi. Mỗi khi Tú về chơi quận Cam, hầu như không lần nào chúng tôi không đến nhà anh ăn cơm tối. Chị Chi nấu bún bò Huế, cháo nấm, kho cá nục, canh cải xanh. Ngôi nhà của anh chị nằm ở khúc quanh một con lộ vắng thị xã Westminster, chỉ mới trước đây ít lâu, cuối tuần nào cũng họp mặt đông đầy bằng hữu trong văn giới, báo giới hay thân hữu, thường là vài chục anh chị. Chúng tôi vẫn nói đùa với nhau đây là nơi quần hùng hải ngoại hội tụ.

Khi anh Giác đến giai đoạn phải chịu hóa trị, chị Chi mua thịt bò loại ngon nhất, làm steak, ép anh ăn để lấy sức. Anh ngồi ở đầu bàn, chị khoác yếm ăn cho anh, cắt nhỏ thức ăn để anh dễ nhai. Bữa cơm diễn ra dưới ánh đèn nhà bếp ấm cúng, trong những câu chuyện cười rôm rả của chị và ánh mắt nhìn vợ say đắm của anh. Đôi chim két anh chị nuôi trong cái lồng luôn mở cửa, đặt ở một góc nhà, có một ngày bỗng nhiên lẻ bạn. Con trống còn lại, khi không tung tăng trong căn nhà rộng, thích đậu trên vai chị và huýt sáo inh ỏi.

Thời gian trôi qua. Sức khỏe của anh xuống dần. Hằng chiều, anh không còn đi xe đạp hay đi bộ được nữa. Anh ra vào nhà thương như cơm bữa. Chị bắt đầu khóc một mình những đêm anh trở bệnh, cảm thấy bất lực và tuyệt vọng nhưng với anh, chị luôn có nụ cười và những lời an ủi.

Các cuộc thăm viếng anh cứ ngày càng thu hẹp khoảng không gian trong ngôi nhà nhỏ. Từ bàn ăn ở nhà bếp vào cái sofa ở phòng khách, anh cố ngồi thẳng, lưng dựa vào tựa ghế, tiếp chuyện bạn bè bằng sự chùng mực cố hữu của anh giờ đây đượm thêm chút mệt mỏi. Từ cách phục sức tề chỉnh hàng ngày trước kia, sơ mi, quần tây, thắt lưng, nay anh chỉ còn dễ chịu trong bộ jogging suit màu xám nhạt. Sau cùng, anh nằm trên giường, đầu gối cao, tiếp bạn trong căn phòng ngủ có cửa sổ nhìn ra vườn sau. Ngang tầm mắt anh trên vì tường bên phải, treo cái khung hình chân dung chị Chi ngày còn trẻ. Tôi đến thăm, hay ngồi ở cuối giường, lúc vào và lúc về, thường xoa xoa chân anh thay cho lời chào. Đề tài anh thích thú nhất bên giường bệnh vẫn là chuyện văn chương, viết lách. Anh hỏi thăm công việc tôi đang làm, khuyến khích tôi phải hoàn tất cuốn truyện dài viết về bà mẹ quê rất đáng thương của tôi, của cả một thế hệ những người đàn bà với số phận hẩm hiu trong cái xã hội phong kiến Việt Nam đầu thế kỷ 20. Khi tôi chân thành và cảm kích đáp lại bằng sự mong mỏi anh cũng nên viết xuống những gì đang chất chứa trong suy nghĩ và cảm xúc của anh những ngày lâm bệnh, của một nhà văn đang từng phút giây không chỉ cảm nhận mà có lẽ còn đặt được cả bàn tay chạm vào hy vọng và biệt ly, anh gật đầu cười buồn, hứa sẽ thử. Tôi còn liều mạng đề nghị chị Chi ghi chép giúp anh. Về sau, trong vài dịp chuyện trò hỏi lại, chị Chi chỉ lắc đầu mà không nói gì. Tôi tránh lòng, hình dung sự cần mẫn và kỷ luật hiếm có của anh trên hàng ngàn trang bản thảo anh đã hoàn tất trong bối cảnh cơ cực và gieo neo của cả miền Nam

những năm đầu bị cộng sản tiếp quản. Tôi cũng hình dung những buổi trưa nắng ở Cali, tuần lễ năm ngày, anh đều đặn bỏ bữa ăn ở sở làm, lái xe ra công viên để viết. Hoặc sáng tác, đóng góp với bạn bè trong những công trình văn hoá chung hoặc lo cho tờ tạp chí mà anh nhận trách nhiệm nuôi nấng sau khi các con đã khôn lớn, trưởng thành. Với anh, chữ nghĩa là một phần xương thịt không thể tách rời.



Nguyễn Mộng Giác đoàn tụ với hiền thê Nguyễn Khoa Diệu Chi và toàn bộ bản thảo Sông Côn Mùa Lũ năm 1990.

Tôi chỉ biết đến thế rồi lười biếng ngừng ở đó. Tôi khâm phục những công trình sáng tác dài hơi của anh được đông đảo bạn đọc ngưỡng mộ, được các nhà phê bình văn học trân trọng mổ xẻ, khen ngợi, được in thành ấn phẩm lộng lẫy. Tôi quý mến anh là một người bạn văn có phẩm cách, trung thực và hào sảng. Trước hết và sau

hết, cũng phải thú thật vì anh là phu quân của Nguyễn Khoa Diệu Chi, một bạn gái tôi và Trần Mộng Tú đặc biệt thương quý.

Sống cho đến quãng đời này, tôi thường ý thức rõ về tính cách hời hợt của con người trong sinh hoạt hàng ngày, biết rằng đó là nguyên nhân đưa tới nhiều bi kịch, thậm chí thảm kịch. Người ta dễ bằng lòng với những gì nhìn thấy trước mắt. Không ai, kể cả cha mẹ, bạn tâm về một điều gì ẩn dấu bên trong một đứa con ngoan, một sinh viên ưu tú, không bao giờ làm phiền lòng cha mẹ, nhà trường, hàng xóm, cho đến khi nó bất ngờ vác súng đến một nơi nào đó, lớp học, bãi đậu xe, hí viện... khơi khơi nổ cò như một tay xạ thủ chuyên nghiệp. Mọi người, dù thân thiết với nhau tới đâu, dường như chỉ “đi bên cạnh” nhau theo đúng nghĩa của những chữ này nhất. Bây giờ, anh Nguyễn Mộng Giác đã hoá thân về thiên cổ. Những ngày tang lễ anh, tôi ở nhà Tú, xa quận Cam hai tiếng rưỡi máy bay. Buổi tối bật đèn đầu giường, đọc truyện anh viết, nhìn thấy anh dưới một chân dung khác, một người khao khát và suy tôn Tự Do đến chết. Có những điều tha thiết muốn trao đổi với anh thì hơi ơ, nhớ ra rằng mọi cánh cửa mở trong những trang sách của anh nay đã lạnh lùng khép lại. Anh có những ước mơ, một thế giới riêng lấp lánh màu sắc, nồng nàn hương vị. Anh tung chúng lên trời, gieo xuống đất, ném vào khoảng không mênh mông. Ham hố. Miệt mài. Thành khẩn. Liệu có bao nhiêu người đón nhận cùng với nhiệt tình anh trao đi? Hay anh chỉ hiện diện bằng tên mình ở những cái gáy sách xếp trên án thư, kệ gỗ nhà này, nhà kia? Hay cơ hội cuối cùng của

một nhà văn luôn phải chờ khi bước vào văn học sử, đem theo với mình con người đời thường, không tước hiệu, nhưng nó chính là cốt lõi làm nên vinh quang của vòng nguyệt quế?

Cát bụi thời gian đã bồi xóa và sẽ bồi xóa sạch trong ký ức mọi người dấu vết những vòng bánh xe cứu thương chở anh xuôi ngược trên nhiều con đường của nhiều thị xã vùng quận Cam. Cảm tạ Trời Đất đã cho anh được về nhà trên chuyến xe cuối cùng như ước nguyện.

Riêng tôi, mỗi khi nghĩ về anh, mỗi khi đến thắp một nén nhang tưởng niệm trên bàn thờ anh, tôi chưa cách nào quen với sự vắng lặng trong căn nhà ở đường Strait nay chỉ còn một mình Diệu Chi chăm chút di chuyển những chậu lan sum suê từ vườn vào nhà rồi lại từ nhà ra vườn khi hoa đã tàn rụng hết, không còn anh để khoe, để nhìn chị đắm đuối như *nhìn em lần đầu*.

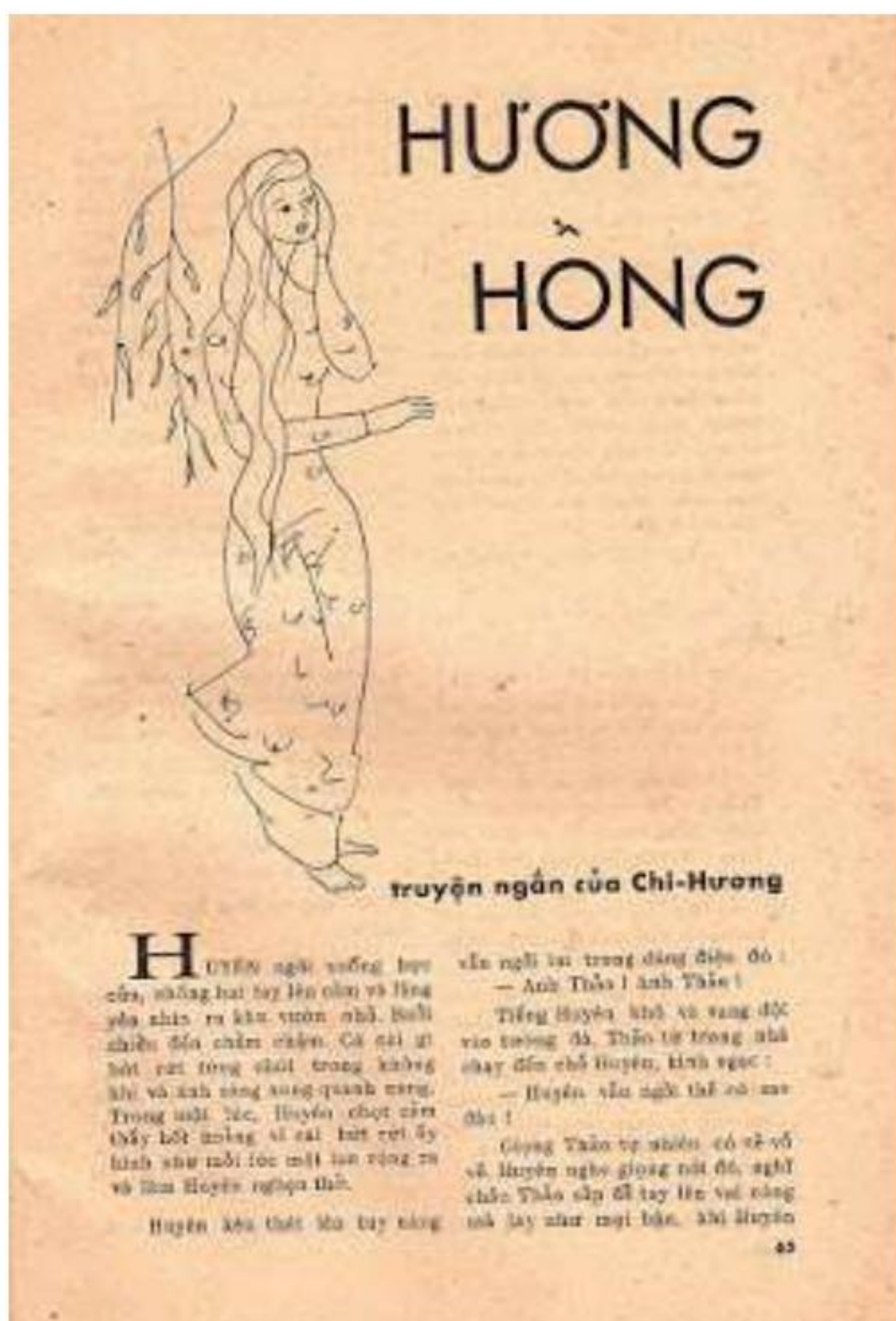
Chữ nghĩa để làm gì khi một tình bạn thân thiết gần ba thập niên thế mà vẫn có những điều chưa kịp nói?

Bùi Bích Hà

Garden Grove, 7/20/12

CHI HƯƠNG: HƯƠNG HỒNG

*(Hương Hồng là một trong những truyện ngắn đầu tay của tác giả **Bùi Bích Hà**, đăng trên Giai phẩm Văn Hoá Ngày Nay, tập 7, do Nhất Linh chủ trương năm 1958, dưới bút hiệu **Chi Hương**)*



Huyền ngồi xuống bậc cửa, chống hai tay lên cằm và lặng yên nhìn ra khu vườn nhỏ. Buổi chiều đến chầm chậm. Có cái gì bứt rứt từng chút trong không khí và ánh sáng xung quanh nàng. Trong một lúc, Huyền chợt cảm thấy hốt hoảng vì cái bứt rứt ấy hình như mỗi lúc một lan rộng ra và làm Huyền nghẹn thở.

Huyền kêu thét lên tuy nàng vẫn ngồi im trong dáng điệu đó:

-Anh Thảo! Anh Thảo!

Tiếng Huyền khô và vang dội vào tường đá. Thảo từ trong nhà chạy đến chỗ Huyền, kinh ngạc:

-Huyền vẫn ngồi thế có sao đâu!

Giọng Thảo tự nhiên có vẻ vỗ về. Huyền nghe giọng nói đó, nghĩ chắc Thảo sắp để tay lên vai nàng mà lay như mọi bận, khi Huyền sắp sửa khóc. Nhưng Thảo không làm thế và chàng ngồi xuống bậc thềm thứ hai, bên cạnh hai chân ruỗi thẳng của Huyền. Cả hai im lặng một chốc rồi Thảo nói:

-Huyền ạ, buổi chiều như có gì xôn xao...

Huyền nhìn Thảo, ngạc nhiên vì Thảo cũng có cái cảm giác của nàng. Khi Thảo thấy Huyền nhìn mình, chàng nhận ra hai mắt nàng bây giờ trở nên sâu và đựng một vùng bóng tối dưới vầng trán trắng. Thảo không nghĩ gì thêm vì màu da trắng của Huyền bỗng làm Thảo nhớ tới tà áo Ngân mặc ban sáng. Nghĩ đến Ngân, Thảo nói với Huyền:

-Ban sáng cô Ngân lại thăm anh.

Huyền cười nhẹ như chột xúc động:

-Cô ấy khóc phải không anh?

-Em muốn nói mấy tấm ảnh cô Ái anh mới bày trên bàn đêm à?

Huyền đỏ mặt vì cái ý nghĩ Thảo có thể biết rằng nàng cố ý tỏ ra thông minh để so sánh với Ngân. Huyền liền đáp một cách vụng về:

-Em hay tò mò. Vả lại, em không tin rằng người ta ghen tuông vì người ta yêu.

Thảo làm như đã quên bằng câu chuyện đang nói dở và chàng bắt đầu kể lan man:

-Em nghĩ, thật khó mà làm cho Ngân hiểu anh! Buổi sáng hôm đó anh và Ngân cùng đi trên một sườn núi thoải thoải. Cỏ xanh và lối đi đầy mùi thơm (nói đến đây, Thảo ngừng lại để hít mùi thơm từ mấy luống hồng thoảng vào) của những lá vàng ử mềm sương mai. Tóc Ngân cũng thơm. Anh đi trong một rừng hương thơm và những khoái cảm lạ đó khiến anh chột nghĩ chắc tay Ngân, cổ Ngân và môi Ngân cũng thơm nồng nàn. Thế rồi Ngân cứ nghĩ là anh đã thuộc về Ngân hoàn toàn. Ngân cứ kêu mãi lên là Ngân yêu anh! Em biết không? Em biết không. Ngân viết cho anh rất nhiều thư. Mỗi thư của Ngân, anh chỉ thấy có ba chữ “Em yêu anh” ở chỗ ký tên.

Nghĩ một lát, Thảo lại tiếp:

-Thật là nên thơ! Thật là đáng yêu!

Huyền thấy Thảo lim dim mắt thì đoán chàng đang sung sướng vì cái ý tưởng giá có một cô Ngân nào đó chỉ biết nói với chàng ba chữ ấy mà thôi. Nghĩ đến đây, Huyền suýt khóc nức lên vì trời đã không ban cho nàng một nhan sắc. Song Huyền bỗng buột mồm:

-Em yêu anh! Em yêu anh!

Thảo mở choàng mắt như bị giật mình. Rồi chàng nhìn khắp mặt Huyền:

-Huyền, em nói lại đi, em nói lại mấy tiếng đó đi!

Mắt Huyền lóng lánh và tinh nghịch:

-Nói với anh à?

Thảo nắm lấy hai bàn tay Huyền và bóp nhẹ nhẹ làm Huyền nghĩ chắc Thảo không tin nàng có bên cạnh thật hoặc Thảo đang nhớ Ngân tới Ngân và chán nản vì ký ức đó. Một lúc, Thảo buông hai tay Huyền ra và thở dài rất mạnh. Huyền liền nghiêng đầu xuống bên Thảo và dịu dàng hỏi:

-Anh thất vọng lắm à? Sao anh vẫn bảo em không đến nỗi ngu dốt quá!

Huyền bỗng cảm thấy buồn cười cái ý nghĩ chắc Thảo sợ phải nghe nàng ngỏ lời muốn làm vợ chàng.

Bây giờ bóng tối đã tràn đến khắp xung quanh hai người. Cả một vườn hồng đứng lơ mờ như đang dần dần biến để tan thành hương thơm (vì hình như hương hồng mỗi lúc một ngậy ngát và đậm đà hơn). Mấy vì sao

loáng thoáng trên nền trời, khiến Huyền nghĩ tới những hạnh phúc rất gần, rất đẹp, rất thật và cũng rất ảo hoặc. Hình như thời gian bay theo chiều thẳng đứng. Thời gian như từng giọt, hay từng chiếc cánh bé xiu trắng nõn, từ dưới lòng đất vút lên không trung, ở đó là dĩ vãng, một dĩ vãng hoàn toàn không có gì liên lạc với cái hiện tại chỗ Huyền đang ngồi với Thảo, một dĩ vãng đầy ước ao và luyến tiếc vô ích. Huyền bỗng cảm thấy tâm hồn rào rạt xúc động. Sự sống ấm áp và tràn đầy chuyển đi trong các mạch máu Huyền làm nàng nghẹn ngào một cách sung sướng bất ngờ. Khi Thảo nhìn Huyền, đôi mắt mở to, Huyền liền mỉm cười đưa hai tay cho Thảo (lúc đó, Huyền bỗng vui mừng vì hai bàn tay nàng hình như trắng hơn mọi hôm và không có cả những đường gân xanh).

Từ lâu Thảo đã nhận ra hai hàm răng Huyền thực là trắng và đều đặn. Thân thể Huyền cũng đều đặn. Những vẻ đẹp đó quyến rũ Thảo và chàng thích cảm thấy mình yếu đuối để bị lôi cuốn.

Huyền cứ cười mãi. Hàng răng Huyền bóng loáng. Khi Thảo hôn lên cái màu trắng bóng loáng đó, chàng có cảm tưởng như tâm hồn Huyền hiện thành một điểm sáng rung động, có âm thanh và hương thơm, một hạt kim cương ở xa hay một vì sao xanh mát. Nhưng Thảo bỗng rùng mình vì ngôi sao đó tự nhiên trở thành một con sâu róm ban đêm. Thảo cố gắng để kêu khẽ lên:

-Một ngôi sao! Một ngôi sao, em ạ!

-Em định nói như thế từ lúc này. Một hương thơm hay



*Đường lên Mt. Rainier-Seattle.
Bùi Bích Hà và Trần Mộng Tú*



Bùi Bích Hà và Hương Thơ

TRẦN DOÃN NHO: NỖI HUẾ TRONG VĂN BÙI BÍCH HÀ

Bùi Bích Hà sinh trưởng ở Huế, tôi cũng sinh trưởng ở Huế, nhỏ hơn chị nhiều tuổi. Chị và tôi là đồng hương, nhưng tôi “huế” hơn chị một chút vì nội, ngoại tôi là dân Huế lâu đời còn nội, ngoại chị đều ở miền Bắc. Chả thế mà nhà văn Ngự Thuyết gọi chị là một *“cô Bắc kỳ nho nhỏ,”* nói *“giọng Hà Nội nghe thật nhẹ nhàng, trôi chảy, êm ái.”*

Thân phụ chị người Bắc, làm ăn lớn, có cơ ngơi nhiều nơi từ Bắc vào Trung. Nhà ông ở khu Gia Hội, tọa lạc *“trong một khu vườn thâm u, kín cổng cao tường,”* *“nhìn ra một cánh đồng khá rộng”* với những ruộng lúa xanh rì, *“đến mùa lúa chín, là cả một cánh đồng vàng,”* theo nhà văn Ngự Thuyết, một người cùng thời với chị (Giã Từ Bùi Bích Hà). Ngoài ngôi nhà này, ông còn một ngôi nhà nghỉ mát do ông *“tự trông nom cho thợ xây cất trên đỉnh một ngọn đồi trong rặng núi Bạch Mã.”* (Mùi Cà Phê Của Bố/Bùi Bích Hà)

Có lẽ do tính cách pha trộn này, Bùi Bích Hà khi viết về Huế, một mặt, văn chương chị là một Huế chất ngất, một Huế tràn trề, nhưng mặt khác, lại không giống hẳn văn chương của những nhà văn “Huế-chay” khác viết về Huế. Tôi cho rằng chị vừa như một người Huế viết về quê hương mình, lại vừa như một người yêu Huế viết về Huế. Vừa đứng trong Huế vừa đứng ngoài Huế, cụ thể, thì là vừa Bắc Kỳ vừa Huế.

Thử so sánh cách mô tả mùa Đông ở Huế giữa Bùi Bích Hà:

“Tiếng mưa lúc cao lúc thấp lúc đục lúc trong, tiếng mưa im lìm trên những lối đi đầy cỏ, tiếng mưa cô đơn phiêu muộn trên những tàu lá rộng, tiếng mưa lạnh lẽo dưới đầu hồi, tiếng mưa thâm thì, rời rã, trong trái tim bàng hoàng những mộng ước không thành.” (Huế Yêu Dấu)

Và một nhà văn Huế khác, Túy Hồng:

“Những đêm mùa Đông, những con ‘ặng oạng’ kê mồm khắc khoải kêu khan từ những ao rau muống... Kêu chi mà khô, mà trầm thống! Thêm vào đó, tiếng rao hàng dài lê lết: mua trứng lộn! mua trứng lộn... Trời ơi! tiếng kêu của miếng ăn sao mà buồn đến thế! Nhức xương buốt tủy mất! Tưởng tượng mở cửa kêu vào chắc mình phải ôm cô hàng trứng mà khóc ngất!” (Xin Lỗi Huế)

Rõ ràng là mỗi người một vẻ. Giống và khác. Văn Túy Hồng trực tiếp, nói ngay nói thẳng; văn Bùi Bích Hà mang mang, xa xa gần gần. Huế của Túy Hồng nằm trong ngôn ngữ; Huế của Bùi Bích Hà nằm trong ý tứ.

Dù gì thì gì, Bùi Bích Hà sống tuổi thơ, tuổi học trò và tuổi trưởng thành ở Huế, cho nên không lạ gì, Huế đeo đẳng và ám ảnh chị suốt cuộc đời.

“Cho đến bây giờ, mặc dù hơn một nửa tháng năm của đời người đã trôi qua trong ngăn cách và lãng quên, vậy mà mỗi khi nghĩ về Huế, tôi không khỏi bồi hồi xúc động, như thể tôi với Huế là đôi người tình lỡ trong ca dao Việt Nam.” (Huế Yêu Dấu)

Với chị, “Huế không bao giờ để quên hay để nhớ, dầu đã xa xôi muôn trùng trong không gian và thời gian, mà một đời đeo đẳng. Ngày tháng lung linh kỷ niệm là những mảnh puzzles nhiều màu sắc, đan kết vào nhau chặt chẽ, làm nên hình hài và cuộc sống tôi, không thể tách rời. Đôi lúc, nhớ thương như cường toan rót vào ký ức, cháy thịt da, trào nước mắt, tôi một mình khóc giữa hư vô.” (Mai Tôi Về Huế)

Dầu vậy, do những uẩn khúc trong gia đình, mà chị vẫn thường thẳng thắn viết ra đây đó trong những tùy bút về Huế, nên dòng tình cảm Huế của chị thường pha trộn: hình ảnh tích cực hòa lẫn trong nhiều nét tiêu cực.

Chị cho biết: “Tôi ra đời và lớn lên ở Huế, là đứa con cuối cùng của một người đàn ông ba vợ vì hiếm muộn. Từ khi lớn khôn, tôi chưa bao giờ thấy bố mẹ tôi nói chuyện với nhau một lần, ăn chung một bữa cơm hay cùng đi đâu ra ngoài. Mẹ tôi gọi hai bà vợ lớn của cha tôi bằng mẹ, tôi gọi mẹ tôi bằng chị” (Huế Yêu Dầu).

Có lẽ vì thế, “Tôi có một tuổi thơ buồn. Rất buồn. Nhưng tôi cũng có một tuổi thơ đẹp. Rất đẹp.” (Mùi Cà Phê Của Bố). Nên “xa huế thì thương thì tiếc,” nhưng sống với Huế thì “sầu thì hận, thì đau thương chất ngất,” thì “oan khiên lệ nhòa đôi mắt,” thì “tuổi xanh héo mòn như cỏ úa.” Bùi Bích Hà, quả là một trời tâm sự!

Huế trong văn chương Bùi Bích Hà gần như không thiếu một thứ gì. Chị nói về vô số điều, vô số chuyện mà điều nào, chuyện nào cũng chi li và đậm đà. Không những chỉ về những chi tiết linh tinh lĩnh lĩnh kinh mà còn

chi li cả về những xúc cảm, xuất phát từ sự suy gẫm của chị về những gì nằm khuất sau cái vẻ bề ngoài hồn nhiên, vô tư của chúng.

Chị viết về hoa trái trong vườn, nào vải, chanh, nhãn, nào ổi xiêm, nào khế ngọt, vải trắng, lựu; viết về nắng Hè, mưa Đông, về những chuyến đi chơi thuyền trên sông Hương, về bắt còng; về cảnh học trò đạp xe đạp đi học, về tình yêu trai gái nảy nở bên hàng chài tàu, về đồ ăn Huế với miếng dồi trường *“trắng, giòn, thơm, thanh cảnh”* hay gạo de An Cựu ngon không đâu sánh bằng; viết về *“những cây nhãn lồng chi chít mo cau,”* về con gái Huế lội nước lút đến trường, *“gót chân hồng trên những chiếc guốc vông màu trắng.”* Vân vân và vân vân.

Những gì chị viết ra về Huế quá nhiều, quá rõ, quá đầy đủ khiến tôi đọc mà muốn ngộp thở. Có nhiều thứ khác mà nếu chị không nhắc đến, có lẽ không bao giờ tôi còn nhớ, như: (nộm) gỏi hoa cau, canh măng chua nấu cá ngạnh nguồn, chè đậu ngự; thuốc Tiêu Ban Lộ, tôm càng kho tiêu, tiếng con chim “tử quy” (1) kêu thương suốt đêm quanh nhà mà không hề thấy hình dáng, hay về những cô gái gánh nước đêm, *“trời tối mà vẫn đội nón vì sợ người ta nhìn thấy nụ cười và đôi mắt.”*

Bùi Bích Hà có những cách diễn tả Huế lạ và bóng bẩy, nhưng lại chính xác không chê vào đâu được. Chẳng hạn chị so sánh thành phố Huế ngày thường *“êm ả như một cô gái phòng khuê;”* hay khi nghe tiếng ve kêu, *“tâm hồn bỗng náo nức một nỗi thúc giục phiền muộn, muốn đi đến một nơi nào xa hơn cái chân trời thấp ở cuối những thửa ruộng đằng trước nhà;”* chẳng hạn chị diễn

tả tiếng ve mùa Hè “*gọi nhau dứt hơi,*” hay những sáng tinh mơ “*tiếng gà gáy trong sương gọi nắng hồng*” hay những “*mùa trăng hoa rất thơm và đêm rất xanh.*” Đọc những dòng này, tôi thấy Huế của tôi vô cùng lạ nhưng quả thật, lại hết sức quen.

Văn của chị nhịp nhàng, nhiều hình ảnh và gói ghém trong đó là một thứ tình cảm vừa chơn chất lại vừa sâu đậm. “*Có lưng áo mẹ đầm mồ hôi trong khu vườn rộng nồng nàn mùi cây trái. Có tiếng gậy gõ xuống mấy bậc thềm và hình ảnh cha râu tóc bạc phơ, tựa cửa ngóng con về khi ngày hết và hoàng hôn xuống trên cánh đồng nâu trơ gốc rạ, trải mình đến tận Bao Vinh.*” (Mai Tôi Về Huế)

Thú vị nhất là khi Bùi Bích Hà diễn tả con gái Huế.

-“*Con gái Huế gội đầu bằng nước sông Hương, bằng bồ kết và lá chanh, lá bưởi, dòng tóc nuột nà buông xuống hai vai mùi hương cỏ cây huyền hoặc.*” (Huế Yêu Dấu)

-“*Con gái Huế ấm như nắng Hè, thơm ngọt như mật ong, óng mượt như tơ tằm, thanh bai như nhành lệ liễu và con gái Huế sắc như dao, lạnh như mùa Đông, can trường như đá núi, thâm trầm như biển sâu. Gặp rồi không thể không yêu, yêu rồi cuộc tình sẽ là một vết thương thiên thu.*” (Mai Tôi Về Huế)

-“*Mùa Hè, lũ con gái áo trắng đi xe đạp thành từng đoàn, tóc thề lộng gió, nghiêng chao vào nhau (...) tiếng cười tiếng nói ríu rít như tiếng chim chuyền.*” (Huế Yêu Dấu)

-“*Con gái Huế lội nước đến trường, quần xắn khỏi gối,*

gót chân hồng trên những chiếc guốc vòng màu trắng. Có cô mặc áo mưa bằng lá, nước dột lướt thướt trông như một con ve sầu ốm vì mùa Hè đã qua.” (Huế Yêu Dấu)

Để diễn tả cái nghèo, cái thiếu của xứ Huế, chị chọn một đề tài ít ai ngờ tới: cái rổ đi chợ: *“Trong cái rổ chợ họa hoằn lắm mới có một miếng thịt heo mỏng tanh dài bằng nửa bàn tay, chỗ nạc tươi ửng màu hồng đào trên nền miếng bì trắng nhể nhại ôm khít vào miếng mỡ trong veo; kỳ dư thường chỉ có một dúm cá cần bé lặn tẩn, màu óng ánh ngũ sắc, mấy con hến còn ngậm miệng thoang thoảng mùi rong tanh, mớ khuyết tươi lốm đốm những cái chấm mắt đen bao giờ cũng khiến tôi lặng nhìn và nghĩ ngợi vẩn vơ về những vùng biển xa. Đôi khi rổ chợ cũng có mớ rau muống, nắm đọt khoai, bẹ dưa nửa, miếng thơm chưa vạt bỏ... Thực phẩm cho ba bữa cơm chỉ quanh đi quẩn lại ngần ấy thứ. Mọi đồ gia vị đều gói trong những cái bồ dài lá chuối: tí mỡ, tí hạt tiêu, tí ớt bột, tí mắm ruốc, miếng đường đen, tí tỏi, cả nước mắm. Không còn cái gì để qua ngày mai hay bữa chợ sau.” (Những Cái Rổ Chợ Xứ Huế)*

Chi li, chính xác và tràn đầy tâm hồn và trái tim của một người phụ nữ. Nó nói lên cốt tủy của cái nghèo, cái thiếu, cái thu vén, tém tùm tội nghiệp nhưng đáng yêu của người phụ nữ những gia đình nghèo xứ Huế. Nó làm người đọc vừa xót xa vừa cảm phục.

Để kết thúc, xin dẫn lại một nhận xét của nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc về văn chương Bùi Bích Hà: *“Câu văn của Bùi Bích Hà rất lành, rất hiền, dịu dàng, tha thiết, mang một chút buồn và thơ như những chùm hoa sầu*

đông nở tím những cửa sổ Huế ngày xưa. Tác giả không phải là một người thích làm dáng. Bà chân thực và thiết tha trong những suy nghĩ và bày tỏ của mình. Câu văn đẹp, ý tứ, và rất ít son phấn. Trong nhiều chỗ, chúng có cái đẹp của những lời văn trong sáng nhưng vẫn làm dấy lên một chút tình trong ‘Bướm Trắng’ của Nhất Linh, và nhất là chúng có cái đẹp tươi tắn và trong sáng như những câu văn của những trang sách ‘Nắng Trong Vườn’ và ‘Gió Đầu Mùa’ của Thạch Lam.” (Bùi Bích Hà – Một Mình Trong Nỗi Nhớ)

Ngày 14 Tháng Bảy, 2021, nhà văn Bùi Bích Hà đã từ giã trần gian, đi ra cõi ngoài.

Xin thắp một nén hương, tưởng niệm chị.

—————

Tài liệu:

(1) Chim “tù quy” (tù = đi; quy= về; đi và về): một loại chim hót hàng đêm, vào khoảng giữa canh khuya, hót cách quãng nhưng liên tục cho đến sáng thì ngưng rồi bay đi đâu không rõ.

- *Huế Yêu Dấu (Bùi Bích Hà)*
- *Mai (Tôi) Về Huế (Bùi Bích Hà)*
- *Mùi Cà Phê Của Bố (Bùi Bích Hà)*
- *Những Cái Rổ Chợ Xứ Huế (Bùi Bích Hà)*
- *Giã Từ Bùi Bích Hà (Ngự Thuyết)*
- *Bùi Bích Hà, Một Mình Trong Nỗi Nhớ (Bùi Vĩnh Phúc)*